

Số: 2046 /SYT-KHTC
V/v cung cấp thông tin, báo giá
tài sản là trang thiết bị y tế để
thực hiện dự án

Khánh Hòa, ngày 22 tháng 5 năm 2024

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Sở Y tế tỉnh Khánh Hòa có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế cho dự án Đầu tư Trung tâm Y tế thị xã Ninh Hòa và Trung tâm Y tế huyện Vạn Ninh, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Sở Y tế tỉnh Khánh Hòa
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Lâm Quốc Đạt – cán bộ phòng KHTC, Điện thoại: 0258 3 817 366, Mail: quocdat.nt76@gmail.com
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Sở Y tế tỉnh Khánh Hòa, Khu liên cơ Số 2, 03 Hàn Thuyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 16h ngày 24/5/2024 đến trước 17h 04/6/2024.
Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày 04/6/2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

- Danh mục thiết bị y tế và thiết bị dụng cụ y tế (đính kèm theo Phụ lục).
- Địa điểm cung cấp, lắp đặt: tại tỉnh Khánh Hòa.
- Thời gian giao hàng dự kiến: 90 ngày.
- Dự kiến về các khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:
 - Dự kiến tạm ứng 30% giá trị hợp đồng.
 - Thanh toán 80% giá trị, khi thiết bị được vận chuyển đến nơi lắp đặt.

- Thanh toán 100% giá trị thiết bị, khi thiết bị được vận chuyển đến nơi lắp đặt, được lắp đặt, nghiệm thu chạy thử thiết bị, nghiệm thu hoàn thành và đào tạo vận hành.

5. Các thông tin khác: Không.

Sở Y tế kính đề nghị các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam có đầy đủ năng lực theo quy định pháp luật gửi báo giá để Sở Y tế tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế cho bệnh viện tuyến tỉnh và Trung tâm y tế tuyến huyện./.

(Đính kèm theo Bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị)

Rất mong được sự hợp tác của các Đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC



Bùi Xuân Minh

Phụ lục:
DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ
DỰ ÁN: ĐẦU TƯ TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT (CDC) KHÁNH HÒA
(Đính kèm Công văn số 2046 /SYT-KHTC ngày 22 / 5 /2024 của
Sở Y tế tỉnh Khánh Hòa)

1. Trang thiết bị y tế

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
I	Xét nghiệm - chẩn đoán hình ảnh - TDCN			
1	Máy đo thính lực	Cái	2	
2	Máy đo chức năng hô hấp	Cái	2	
3	Máy đo hơi khí độc nhiều loại khí	Cái	2	
4	Bộ lấy mẫu khí đo bụi (Bơm, giấy lọc, lưu lượng kế)	Cái	1	
5	Bộ lấy mẫu khí đo hơi khí độc (Bơm hút, vật liệu hấp thụ, vật liệu hấp phụ, lưu lượng kế)	Bộ	2	
6	Máy đo điện từ trường tần số thấp	Cái	1	
7	Máy đo (phóng xạ) bức xạ tử ngoại	Cái	1	
8	Máy đo độ ồn có phân tích giải tần số	Cái	2	
9	Máy đo khí độc cầm tay	Cái	2	
10	Máy đo tốc độ gió	Cái	2	

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
11	Máy đo cường độ ánh sáng	Cái	2	
12	Máy đo ồn cá nhân	Cái	1	
13	Máy đo bức xạ tia gama, tia X	Cái	1	
14	Máy đo phóng xạ điện tử hiện số	Bộ	1	
15	Đầu cảm biến đo khí (O ₂ , CO ₂ , NO ₂ , SO ₂ , NH ₃)	Cái	3	
16	Máy đo nồng độ bụi hô hấp (PM ₅), toàn phần	Cái	2	
17	Máy đo nhiệt độ, độ ẩm	Cái	1	
18	Máy đo bức xạ nhiệt	Cái	1	
19	Máy X-quang cao tần 500mA	HT	1	
20	Máy phân tích huyết học tự động	Bộ	2	
21	Máy xét nghiệm sinh hóa máu tự động	Bộ	1	
22	Máy ly tâm	Cái	1	
23	Máy lắc ống máu	Bộ	1	
24	Máy phân tích nước tiêu 11 thông số	Bộ	1	
25	Tủ âm các cỡ các loại nhiệt độ	Cái	3	
26	Tủ mát bảo quản hóa chất	Cái	1	

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
27	Tủ an toàn sinh học cấp 2	Cái	5	
28	Kính hiển vi 2 mắt	Cái	5	
29	PCR - Nồi hấp ướt tiệt trùng	Cái	1	
30	Micropipet 8 kênh các loại thể tích	Cái	4	
31	Bộ máy XN miễn dịch bán tự động, gồm: Máy đọc + Máy rửa + Máy ủ	Bộ	1	
32	Dàn máy ELISA tự động	Bộ	1	
33	Tủ lạnh âm sâu - 20-80độ C.	Cái	3	
34	Pipet điện tử đa kênh (2-200 μ l)	Cái	2	
35	Máy ly tâm lạnh 8-24 lỗ	Cái	1	
36	Tủ mát bảo quản mẫu và hóa chất	Cái	3	
37	Thiết bị trợ PIPETTUS	Cái	2	
38	Máy đếm khuẩn lạc	Cái	1	
39	Dụng cụ đốt que cấy bằng điện	Cái	1	
40	Máy đếm tế bào CD4	Cái	1	
41	Bộ lọc chân không kèm giá	Bộ	1	

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
42	Máy đo pH để bàn	Bộ	2	
43	Máy đo quang phổ Hach DR 6000	Cái	1	
44	Máy quang phổ hấp thụ nguyên tử kèm máy tính và máy in	Bộ	1	
45	Máy đo độ đục	Cái	1	
46	Máy cất nước 2 lần	Cái	1	
47	Máy đo Clo dư tự do cầm tay	Cái	2	
48	Máy cất nước siêu sạch	Cái	1	
49	Tủ hút hơi khí độc	Cái	1	
50	Cân kỹ thuật	Cái	1	
51	Máy khuấy từ gia nhiệt	Cái	1	
52	Máy pha chế môi trường	Cái	1	
53	Nồi hấp tiệt trùng các cỡ	Cái	2	
54	Tủ bảo quản hóa chất	Cái	1	
55	Tủ sấy	Cái	2	
56	Vòi sen cấp cứu + rửa mắt	Cái	4	

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
57	Kính Hiển Vi Huỳnh Quang Có Chụp Ảnh	Cái	1	
58	Đèn cực tím	Cái	2	
II	Sức khoẻ môi trường - Y tế trường học			
59	Máy lấy cao răng	Cái	1	
III	Các phòng khám			
60	Máy siêu âm màu, đầu dò	Bộ	1	
61	Máy điện tim	Cái	2	
62	Giường khám phụ khoa	giường	1	

2. Trang thiết bị dụng cụ y tế

Stt	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Giá hoặc bàn để lồng nuôi, Khay nuôi bọ gậy, có dụng cụ chống kiến	Cái	3	
2	Lồng nuôi muỗi bằng vải tuyền trắng khung inox	Cái	30	
3	Nhiệt ẩm kế	Cái	2	
4	Bẫy bắt muỗi	Cái	2	
5	Tủ Y tế	Cái	1	

Stt	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
6	Bình Rửa mắt	Cái	1	
7	Vợt muối	Cái	1	
8	Khay nuôi bọ gây nhựa trắng	Cái	10	
9	Lọ nhựa	Cái	10	
10	Tuýp bắt muỗi thùng hai đầu	Cái	20	
11	Đĩa Petri đường kính 10cm	Cái	10	
12	Pipét pasteur 1,5mm	Cái	10	
13	Kẹp có định chuốt/gà bằng lưới thép	Cái	10	
14	Gáo nhựa dung tích 2 lít	Cái	2	
15	Cân thăng bằng	Cái	1	
16	Panh y tế 18cm	Cái	10	
17	Nút cao su	Cái	10	
18	Giá đựng lam kính	Cái	10	
19	Pipet pasteur	Cái	10	
20	Đũa thủy tinh	Cái	10	
21	Cốc có mỏ chia vạch 100 ml	Cái	10	
22	Cốc có mỏ chia vạch 250 ml	Cái	10	
23	Cốc có mỏ chia vạch 500 ml	Cái	10	
24	Cốc có mỏ chia vạch 1000 ml	Cái	10	
25	Bình bơm Hansen	Cái	10	
26	Túi Sơ cấp cứu loại C	Túi	2	
27	Bộ dụng cụ khám phụ khoa	Bộ	2	
28	Xe tiêm 3 tầng	Cái	2	

Stt	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
29	Cây dịch truyền	Cái	5	
30	Bút đo pH cầm tay	cái	1	
31	Ống đong định mức 500ml	Cái	2	
32	Ống đong định mức 100ml	Cái	2	
33	Ống đong định mức 10ml	Cái	5	
34	Bếp hồng ngoại	Cái	2	
35	Micropipet 1-5 ml	Cái	2	
36	Micropipet 1-10 ml	Cái	2	
37	Bình cầu 1000ml	Cái	2	
38	Bình cầu 500ml	Cái	2	
39	Cốc có mỏ 1000ml	Cái	20	
40	Cốc có mỏ 500ml	Cái	20	
41	Cốc có mỏ 200ml	Cái	10	
42	Cốc có mỏ 100ml	Cái	10	
43	Cốc có mỏ 50ml	Cái	50	
44	Cốc có mỏ 25ml	Cái	100	
45	Pipette 10-100	Cái	1	
46	Pipette 50-200	Cái	2	
47	Pipette 200-1000	Cái	2	
48	Hộp đựng lam	Cái	2	
49	Pipet 1-100ul	Cái	3	
50	Pipet 100-1000ul	Cái	3	
51	Pipet đa kênh tự động 5-300ul	Cái	2	

Stt	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
52	Pipet đa kênh tự động 50-500ul	Cái	2	
53	Dụng cụ đốt que cấy	Cái	2	
54	Đèn tím di động	Cái	2	
55	Pipet thủy tinh chia vạch 10ml,5 ml	Cái	100	
56	Que cấy platin	Cái	20	
57	Đèn cồn	Cái	20	
58	Nhíp gấp màng lọc	Cái	10	
59	Giá inox đựng ống nghiệm	Cái	20	
60	Micopipet 8 kênh 1-10 μ l	cái	4	
61	Micopipet 8 kênh 20-100 μ l	cái	4	
62	Micopipet 8 kênh 100-1000 μ l	cái	4	
63	Micopipet 1-10 μ l	cái	8	
64	Micopipet 20-100 μ l	cái	8	
65	Micopipet 100-1000 μ l	cái	8	
66	Bếp từ	Cái	2	
67	Bộ pipet các loại	Bộ	1	
68	Bồn rửa dụng cụ, hóa chất	Bộ	3	
69	Bộ nồi hấp các cỡ	Bộ	1	
70	Bình cầu 2000ml	Cái	10	
71	Bình cầu 4000ml	Cái	10	
72	Bình cầu 600ml	Cái	10	
73	Bình cầu 500ml	Cái	10	
74	Bình cầu 100ml	Cái	10	

Stt	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
75	Ống đong định mức 1000ml	Cái	2	
76	Ống đong định mức 2000ml	Cái	2	
77	Ống đong định mức 500ml	Cái	2	
78	Ống đong định mức 100ml	Cái	2	

BẢNG MÔ TẢ CÁC TÍNH NĂNG, YÊU CẦU KỸ THUẬT BỊ Y TẾ
DỰ ÁN: ĐẦU TƯ TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT (CDC) KHÁNH HÒA
(Kèm theo Công văn số 2046 /SYT-KHTC ngày 22 /5/2024 của Sở Y tế Khánh Hòa)

1. Trang thiết bị y tế

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
I	Xét nghiệm - chẩn đoán hình ảnh - TDCN
01	<p>Máy đo thính lực</p> <p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau</p> <p>Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p> <p>Thông số kỹ thuật chung</p> <p>Tần số và mức độ</p> <p>Tần số chuẩn: 125 – 8000 Hz</p> <p>Tần số âm nhạc: 131 – 8372 Hz</p> <p>Đường khí: 80 – 110 dB HL</p> <p>Đường xương: 50 -70 dB HL</p> <p>Trường tự do: 70 -80 dB HL</p> <p>Tạo nhiễu</p> <p>Nhiều thông thấp AC: 60 - 90 dB HL</p> <p>Nhiều thông thấp BC: 50 – 70 dB HL</p> <p>Nhiều trắng AC: 100 dB SPL</p> <p>Giọng nói: 100 dB SPL</p> <p>Mức độ thấp nhất</p>

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<p>Tất cả các lựa chọn: -10 dB HL</p> <p>Các mức độ gia tăng</p> <p>Chuẩn: 5 dB</p> <p>Âm tham khảo: 1 dB</p> <p>Độ chính xác tần số: $\pm 1\%$</p> <p>Độ chính xác mức độ: $\pm 2\%$ dB SPL</p> <p>Tính Năng</p> <p>Số kênh: 02</p> <p>Bộ chuyển đổi: TDH39 - HDA200 - B71 (phụ thuộc vào từng loại Model khác nhau)</p> <p>Màn hình: Màn hình LCD 2 X 16</p> <p>Bảo vệ: Bộ điều chỉnh chống nhiễu tín hiệu tần số cao ngăn cách giữa buồng đo và thiết bị.</p> <p>Tự kiểm tra: Tự động kiểm tra hoạt động của thiết bị</p> <p>Các loại kiểm tra: Cho phép nhân viên kỹ thuật kiểm tra hoạt động của thiết bị và các hức năng tương ứng.</p> <p>Thiết lập: Cho phép thiết lập các cấu hình đo khác nhau tùy theo người dùng.</p> <p>Cân chỉnh: Thiết bị được cân chỉnh theo chuẩn ISO và ANSI</p> <p>Tiêu chuẩn an toàn: EN60601-1, EN60601-1-1, EN60601-1-2, EN60601-1-4</p> <p>Tiêu chuẩn đo âm: IEC60645-1, IEC60645-2, IEC60645-4</p> <p>Tiêu chuẩn cân chỉnh máy: EN ISO 389-1, EN ISO 389-3, EN ISO 389-4, EN ISO 389-5, EN ISO 389-7, ANSI S3.6-2004</p> <p>Nhiệt độ làm việc: 10 - 40 °C</p> <p>Độ ẩm cho phép: <90% (không bão hòa)</p> <p>Nguồn: 100 - 240V $\pm 10\%$ / 50/60 Hz $\pm 3\%$</p> <p>Công suất: <50 VA4</p> <p>Phần mềm đo thính lực W50</p>

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
02	<p>Máy đo chức năng hô hấp Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p> <p>Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cảm biến đo loại Turbine dùng nhiều lần - Truyền dữ liệu đến máy vi tính bằng Bluetooth hoặc USB - Màn hình hiển thị màu 7 inch cảm ứng - Lưu đến 20.000 kết quả đo - In trực tiếp qua máy in bằng USB (PCL-5e hoặc PCL-5c) - Ảnh minh họa hướng dẫn đo cho bệnh nhân - Ước tính tuổi phổi - Có bộ hiệu chuẩn lưu lượng máy kèm theo - Có máy in tích hợp bên trong máy - Dây đo dòng khí cao 18 L/S Cảm biến Turbine - Tính kinh tế (dùng nhiều lần) - Dễ dàng khử trùng - Khoảng trống (dead space) thấp - Không tiếp xúc với khí thở - Đáp ứng tiêu chuẩn ATS/ERS 2005 - Không yêu cầu cân chỉnh định kỳ - Đo dòng khí thở: cảm biến Turbine - Dây đo: 0 đến +/- 18 L/S - Độ phân giải đo: 0.01 L/S - Độ chính xác đo: +/- 5% hoặc +/- 2 L/S tùy giá trị nào lớn hơn - Nhận biết thể tích: dòng khí bên trong - Thể tích đo: 0 đến +/- 10.0 L - Độ phân giải thể tích: 0.01 L - Độ chính xác thể tích: +/- 3% hoặc +/- 0.05L, tùy giá trị nào lớn hơn - Hiện thị: màn hình màu 7 inch cảm ứng - Máy in bên trong: in nhiệt (rộng 112mm) - Máy in ngoài: PCL-5e hoặc PCL-5c tương thích máy in USB - Bộ nhớ trong: hơn 20.000 dữ liệu - Giao tiếp: kết nối Bluetooth, USB-A, USB-mini, USB Micro-B cho máy in - Nguồn điện: 100 - 240V, 50/60 Hz - Pin: NiMH có thể sạc - Kích thước: 230 (rộng) x 240 (dài) x 85 (cao) mm - Khối lượng: khoảng 2.5 kg - Các mục phân tích: SVC, FVC, FEV0.5, FEV1, FEV3, FEV6, FEV1/FVC, FEV1/SVC, FEV1/FEV6, MMEF (FEF25-75), PEF, FEF25, FEF50, FEF75, FEF90, FEF50/FEF75, FEF75-85, FEF200-1200, OI, ATL, PEF time, FET, Extrap V,

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
03	<p data-bbox="215 224 279 1836"> ExtrapV%, FIVC, FIV0.5, FIV1, FIV1/FVC, FIV1/FIVC, PIF, FIF50, FEF50/FIF50, FIF50/FEF50, CVI, MVV43, FVC+FEV1, MVV, MV, TV, RR, BR, VR, BD test, Bronchial Challenge test, 6MWT </p> <p data-bbox="311 1344 343 1836"> Máy đo hơi khí độc nhiều loại khí </p> <p data-bbox="367 1422 399 1836"> Năm sản xuất: 2023 trở về sau </p> <p data-bbox="406 168 478 1836"> Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương. </p> <p data-bbox="502 1568 534 1836"> Thông số kỹ thuật: </p> <ul data-bbox="558 168 1420 1836" style="list-style-type: none"> • Máy có khả năng đo và giám sát cùng một lúc tới đa 6 loại khí . • Máy đáp ứng các tiêu chuẩn: <ul style="list-style-type: none"> + UL: Class I, Groups A, B, C, D T4; Class II, Groups F,G; Aexia d IIC T4 + CSA: Class I, Groups A,B,C,D T4; Ex d ia IIC T4 + MSHA – 30 CFR, Part 18 and 22, Intrinsically safe formethane/air mixtures + ATEX – Ex ia IIC T4 Ga / Ex ia I Ma; IP64; Equipment Group and Category: II 1G / I M1 (I M2 w/IR sensor) • Thiết bị MX6 iBrid Sử dụng màn hình LCD màu sáng rõ , khách hàng có thể đọc số liệu dưới mọi điều kiện ánh sáng. • Kết quả đo hiển thị và đọc trực tiếp trên màn hiển thị theo đơn vị ppm hoặc % thể tích. • Dải đo các cảm biến khí (tùy chọn theo mục đích sử dụng của khách hàng) cụ thể dưới đây : <ul style="list-style-type: none"> + Cảm biến Methane (CH4): 0-100% (thể tích) độ phân giải: 1% + Cảm biến Nitrogen Dioxide (NO2): 0-150 ppm độ phân giải: 0.1ppm + Cảm biến Sulfur Dioxide (SO2): 0-150 ppm độ phân giải : 0,1ppm + Cảm biến Carbon monoxide/ Hydrogen Sulfide (CO/H2S): Đầu đo kết hợp 2 khí trong 1 sensor (CO: 0-1,500ppm, độ phân dải 1ppm; H2S: 0-500ppm, độ phân dải 0.1ppm) + Cảm biến VOC 0-2,000 ppm, độ phân giải: 0.1ppm • Điều kiện môi trường làm việc: <ul style="list-style-type: none"> + Dải nhiệt độ: -20°C đến 55°C

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<ul style="list-style-type: none"> + Dải độ ẩm: 15 – 95% RH • Nguồn hoạt động: pin Li-ion • Kích thước: 135 x 77 x 43 mm • Trọng lượng: 409 g
04	<p>Bộ lấy mẫu khí đo bụi</p> <p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau</p> <p>Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>
	<p><u>Thông số kỹ thuật</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Bơm hút được thiết kế để lấy mẫu các loại bụi, khí, chi, Amiang trong môi trường • Đáp ứng tiêu chuẩn lấy mẫu: EN1232; ISO 13137; Vở ngoài bảo vệ : cấp IP65 • Đặc biệt bơm được thiết kế có thể sử dụng trong môi trường làm việc dễ cháy nổ như dầu khí, công nghiệp hầm mỏ... Phù hợp theo tiêu chuẩn: Ex ia I Ma; Ex ia IIC T4 Ga; Ex ia IIIC T1350 C Da (Ta = -20° C to +45° C) • Bơm có kết nối không dây Bluetooth 4.0 cùng với ứng dụng “Airwave Mobile” trên điện thoại và máy tính bảng. Không cần làm phiền những người đeo bơm đang làm việc, bạn cũng có thể giám sát, theo dõi, trạng thái của bơm cũng như điều khiển máy bằng ứng dụng trên điện thoại bạn • Dữ liệu, hình ảnh, ghi chú được kết nối với máy tính để phân tích, xử lý dữ liệu. Các kết quả nằm dưới dạng excel thuận tiện cho việc lập báo cáo và người sử dụng có thể liên kết các kết quả thí nghiệm, hình ảnh và ghi chú • Cảm biến chuyển động cho phép theo dõi, giám sát sự chuyển động trong quá trình lấy mẫu. Giúp người sử dụng luôn chắc chắn rằng bơm vẫn đang được đeo trên người mang, nhờ vậy đảm bảo các mẫu khí • Ghi dữ liệu lưu lượng và và chuyển động • Tính năng thiết lập khoảng thời gian lấy mẫu có định, thời gian lấy mẫu liên tục và lấy mẫu theo ca làm việc TWA (Time weighted average) sẽ đáp ứng đa dạng trong việc lấy mẫu của khách hàng • Dải lưu lượng lấy mẫu: 1000-5000 ml/phút • Kiểm soát lưu lượng: <± 5% tại điểm chuẩn

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<ul style="list-style-type: none"> • Độ ồn định dòng: <math><10\%</math> ở 2l / phút • Lỗi đầu dò: Tự động bắt đầu lại. • Cảm biến chuyển động • Màn hình hiển thị: Colour OLED • Nhiệt độ hoạt động: $0\pm 45^{\circ}\text{C}$, độ ẩm $30\pm 95\%\text{RH}$, áp suất tự động điều chỉnh • Pin sạc: Li ion hoạt động trên 9 tiếng • Kích thước: 112 x 37 x 102 mm • Trọng lượng: 480 g
05	<p>Bộ lấy mẫu khí đo hơi khí độc</p> <p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau</p> <p>Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>
	<p>Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Bơm lấy mẫu lưu lượng thấp được thiết kế để lấy mẫu các loại mẫu bụi, khí và khí kết hợp với các loại đầu lấy mẫu khác nhau có thể lấy các loại mẫu bụi, khí, khác nhau trong môi trường không khí, nhà máy hoặc đánh giá an toàn sức khỏe môi trường • Đặc biệt bơm được thiết kế có thể sử dụng trong môi trường làm việc dễ cháy nổ như dầu khí, công nghiệp hầm mỏ... Phù hợp theo tiêu chuẩn: • Ex ia IIC T4 Ga (Ta = -20°C to $+45^{\circ}\text{C}$) • Bơm có kết nối không dây Bluetooth cùng với ứng dụng "Airwave Mobile" trên điện thoại và máy tính bảng. Không cần làm phiền những người đeo bơm đang làm việc, bạn cũng có thể giám sát, theo dõi, trạng thái của một hoặc nhiều bơm cùng lúc cũng như điều khiển bơm hoạt động bằng ứng dụng trên điện thoại bạn • Dữ liệu, hình ảnh, ghi chú được kết nối với máy tính để phân tích, xử lý dữ liệu. Các kết quả nằm dưới dạng excel thuận tiện cho việc lập báo cáo và người sử dụng có thể liên kết các kết quả thí nghiệm, hình ảnh và ghi chú các sự kiện như tình trạng tác nghẽn dòng • Cảm biến chuyển động cho phép theo dõi, giám sát sự chuyển động trong quá trình lấy mẫu. Giúp người sử dụng luôn

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<p>chắc chắn rằng bơm vẫn đang được đeo trên người mang, nhờ vậy đảm bảo các mẫu khí</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tính năng thiết lập khoảng thời gian lấy mẫu có định thời gian lấy mẫu liên tục và lấy mẫu TWA sẽ đáp ứng đa dạng trong việc lấy mẫu của khách hàng • Ghi dữ liệu lưu lượng và chuyển động của bơm. • Áp suất nền cao đảm bảo kết quả lấy mẫu chính xác cao • Lưu lượng: 20-500 ml/phút • Kiểm soát lưu lượng: $\leq \pm 5\%$ tại điểm cài đặt • Áp suất nền: 70cm tại 500ml/phút • Cảm biến chuyển động • Màn hình hiển thị: Colour OLED • Hoạt động trên 34 tiếng tại 200ml/phút • Trọng lượng: 220 g
06	<p>Máy đo điện từ trường tần số thấp</p> <p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau</p> <p>Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>
	<p>Thông số kỹ thuật:</p> <p>Màn hình hiển thị: LCD 4 chữ số, 3</p> <p>Dải đo: 20/200/2,000mG (2/20/200μT)</p> <p>Độ phân giải số đo: 0.01 / 0.1 / 1 mG or 0.001 / 0.01 / 0.1 μT</p> <p>Tần số đáp ứng: 30Hz – 2,000Hz</p> <p>Cảm biến: 3 trục X, Y, Z</p> <p>Độ chính xác: $\pm (2.5\%+5$ chữ số) tại 50Hz/60Hz; $\pm(5.0\%+5$ chữ số) at 30Hz ~ 2000Hz</p> <p>Tốc độ lấy mẫu: 2.5lần/giây</p> <p>Nguồn điện: 1 x 9V (pin)</p> <p>Thời gian sử dụng pin: 100 giờ</p> <p>Nhiệt độ và độ ẩm làm việc: 5°C- 40°C, <80% RH</p>

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	Nhiệt độ và độ ẩm cất giữ: -10°C- 60°C, <70% RH
07	<p>Máy đo (phóng xạ) bức xạ tử ngoại</p> <p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>
	<p>Thông số kỹ thuật:</p> <p>Các tia phát hiện được: tia X, tia β và tia γ</p> <p>Cảm biến: ống đếm GM</p> <p>Dải: 0.05uSv-50mSv</p> <p>Độ chính xác: -17% ~ + 25% dựa trên 137CSγ</p> <p>Sạc: Type-C</p> <p>Thời gian phản hồi báo động: td: < 10s</p> <p>Độ chính xác của ngưỡng báo động: -17% ~ + 25%</p> <p>Chế độ báo động: Âm báo và đèn báo</p> <p>Pin: 3.7V Li-ion 1800mAh</p> <p>Thời lượng pin: Khoảng 20 ngày</p>
08	<p>Máy đo độ ồn có phân tích giải tần số</p> <p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>
	<p>Thông số kỹ thuật:</p> <p>Tiêu chuẩn áp dụng: + JIS C1516: 2014 Loại 2</p>

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<p>+ JIS C1509-1: 2017 Loại 2</p> <p>+ IEC61672-1: 2013 Loại II</p> <p>Dải đo: 20Hz ~ 20kHz</p> <p>Loại microphone (Độ nhạy): TYPE 7052NR (-33dB: Standalone -31dB)</p> <p>Phạm vi điều khiển:</p> <p>+ 10dB 6 bước</p> <p>+ 20 ~ 80dB, 20 ~ 90dB, 20 ~ 100dB,</p> <p>+ 20 ~ 110dB, 30 ~ 120dB, 40 ~ 130dB</p> <p>Các mức đo lường:</p> <p>+ A:28 ~ 130dB</p> <p>Cải 1.0 32,450,000 32,450,000 VND 6 - 8 tuần+ C:37 ~ 130dB</p> <p>+ Z(FLAT):39 ~ 130dB</p> <p>+ C peak:55 ~ 141dB</p> <p>+ Z(FLAT)peak:60 ~ 141dB</p> <p>Phạm vi tuyến tính: 100dB</p> <p>Trọng số thời gian: Nhanh, Chậm, Chế độ xung</p> <p>Trọng số tần số: A, C, Z (FLAT)</p> <p>Thời gian đo: 1 giây / 3 giây / 5 giây / 10 giây / 1 phút / 5 phút / 10 phút / 15 phút / 30 phút / 1 giờ / 8 giờ / 12 giờ / 24h / Thủ công (Tối đa 199 giờ 59 phút 59 giây)</p> <p>Thời gian lấy mẫu: 20,8μs (Leq, Lmax, Lmin), 100ms (LN)</p> <p>Chức năng xóa dữ liệu:</p>

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<ul style="list-style-type: none"> - Tạm dừng và chức năng xóa 3 hoặc 5 giây dữ liệu trước đó - Khởi động bộ nhớ; Tùy chọn Tự động hoặc Thủ công <p>Màn hình hiển thị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - LCD và đèn nền (128 × 64 điểm) - Màn hình kỹ thuật số: Phạm vi hiển thị: Màn hình 4 chữ số - Chu kỳ hiển thị: thời gian hiển thị: 1 giây - Hiển thị thanh: Thời gian hiển thị: 0,1 giây - Cảnh báo: <ul style="list-style-type: none"> + Vượt giới hạn: + 3dB từ thang đo giới hạn trên + Dưới mức giới hạn: -0.6dB từ thang đo giới hạn thấp hơn - Hiển thị pin: Hiển thị 5 mức pin - Ngày: năm / tháng / ngày / giờ / phút / giây <p>Đầu ra:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu ra AC: ϕ2.5Jack - Đầu ra: 1 Vrms (FS) - Trở kháng đầu ra: 600Ω - Trở kháng tải: > 10kΩ - Đầu ra DC: ϕ2.5Jack - Đầu ra: 2.5V (FS), 0.25V / 10dB - Trở kháng đầu ra: 50Ω - Trở kháng tải: > 10kΩ <p>Mạch dò RMS: Mạch dò True RMS (computing type)</p> <p>Bộ xử lý: Kỹ thuật số</p>

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<p>Chức năng lưu trữ dữ liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mức áp suất âm thanh hoặc Các giá trị đã xử lý được lưu trong Bộ nhớ hoặc Thẻ nhớ tích hợp. - Lưu trữ thủ công: Mức âm thanh, Giá trị tính toán, Thời gian bộ nhớ, Lưu mẫu vào bộ nhớ tích hợp hoặc trên thẻ nhớ.- Lưu trữ tự động: Khoảng thời gian lấy mẫu 100ms, 200ms, Mức âm thanh, Leq, v.v. - Processing Card: Lưu trữ kết quả tính toán I/O: - Xuất trực tiếp sang máy in, điều khiển và xuất dữ liệu sang máy tính - Đầu ra kỹ thuật số dạng sóng nhiều thời gian thực với cổng USB <p>Đầu ra so sánh: Chức năng so sánh với mức ngưỡng</p> <p>Loại pin:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bốn pin cell Alkaline 1.5V loại IEC LR6, Chọn mua thêm bộ đổi nguồn AC - Thời lượng pin: Alkaline dry cell; Khoảng 9 giờ khi bật đèn nền; Khoảng 1/3 - Dòng điện tiêu thụ: ~150mA (Khi đầu vào 6V) tại Calculation OFF. <p>Nhiệt độ hoạt động: Nhiệt độ: -10~50°C</p> <p>Độ ẩm : 30%~90% RH (không ngưng tụ)</p>
09	<p>Máy đo khí độc cầm tay</p> <p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau</p> <p>Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>
	<p>Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Máy đo khí độc đa chỉ tiêu có thể đo được các loại khí: khí oxi, khí dễ cháy, khí độc, hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOCs) • Có thể đo được 6 loại khí cùng lúc với 5 vị trí đặt đầu dò • Khả năng đọc theo đơn vị: ppm, hoặc % thể tích, biểu diễn kết quả theo thời gian thực • Được trang bị màn hình tinh thể lỏng LCD màu, quan sát trong nhiều tình trạng ánh sáng khác nhau và các phím điều

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
10	<p>khiên 5 hướng</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chuông báo động nháy với độ ồn 95dB; báo động bằng nháy đèn; chức năng báo động bằng chế độ rung • Chế độ hoạt động: <ul style="list-style-type: none"> + Với Chlorine: dùng đầu dò điện hóa + Với CO/H2S: dùng đầu dò điện hóa + Với SO2: dùng đầu dò điện hóa + Với NH3: dùng đầu dò điện hóa + Với NO2: dùng đầu dò điện hóa • Dải nhiệt độ hoạt động: -20 đến 55°C • Dải độ ẩm: 15% đến 95% • Nguồn hoạt động: pin Li-ion • Đo được các thông số sau: tùy vào điện cực lựa chọn: <p>Đầu dò công nghệ điện hóa Electrochemical (Công nghệ đo và thông số đo, Dải đo, Độ phân giải)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ammonia, 0-500 ppm, 1 ppm - Carbon Monoxide, 0-1,500 ppm, 1 ppm - Chlorine, 0-50 ppm, 0.1 ppm - Hydrogen Sulfide, 0-500 ppm, 0.1 ppm - Nitrogen Dioxide, 0-150 ppm, 0.1 ppm - Sulfur Dioxide, 0-150 ppm, 0.1 ppm <p>Máy đo tốc độ gió</p> <p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau</p> <p>Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<p>Thông số kỹ thuật:</p> <p><i>Vận tốc gió</i></p> <p>Thang vận tốc 0 đến 30 m/s (0 - 6000 ft/min)</p> <p>Độ phân giải: 0.01 m/s (1 ft/min)</p> <p>Độ chính xác: $\pm 3\%$ kết quả đọc hoặc ± 3 ft/min (± 0.015 m/s), cái nào lớn hơn</p> <p><i>Nhiệt độ</i></p> <p>Thang nhiệt độ -18 đến 93°C (0 - 200 °F)</p> <p>Độ phân giải: 0.1°F; 0.1°C</p> <p>Độ chính xác: $\pm 0.5^\circ\text{F}$ ($\pm 0.3^\circ\text{C}$)</p> <p><i>Lưu lượng:</i> Tính toán dựa trên tốc độ gió và duct size (kích cỡ ống gió)</p> <p>Logging interval: khoảng thời gian đo: lựa chọn 1s đến 1 giờ</p> <p><i>Phần mềm đi kèm:</i> xem lại kết quả, phân tích thống kê, tính toán giá trị trung bình</p> <p>Đầu đo gắn sẵn</p> <p>Kích thước máy: 8.4 cm x 17.8 cm x 4.4 cm</p> <p>Khối lượng: 0.27 kg (đã bao gồm pin)</p> <p><i>Kích thước probe</i></p> <p>Chiều dài (kéo dài max): 101.6 cm</p> <p>Đường kính phần đỉnh: 7.0 mm</p> <p>Đường kính phần đáy: 13.0 mm</p> <p><i>Ứng dụng:</i></p> <p>Tối ưu để kiểm tra hệ thống HVAC</p> <p>Bảo trì nhà máy</p>
11	Máy đo cường độ ánh sáng

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau</p> <p>Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p> <p>Thông số kỹ thuật: Dải: 0,00 đến 40000 lux; 0,000 đến 4000 fc Độ phân giải: 0,01 lux / 0,001 fc Độ chính xác: ± 3% giá trị đo lường + 5 chữ số Chỉ báo quá tải: OL = Quá tải Tỷ lệ đo: 2 giây một lần Nhiệt độ hoạt động: 0 đến 40 ° C / 32 đến 104 ° F Cảm biến ánh sáng: đi-ốt quang silicon Hiện thị: Màn hình LCD 5 số Nguồn: pin 9V</p>
12	<p>Máy đo ồn cá nhân</p> <p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau</p> <p>Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p> <p>Thông số kỹ thuật: Dải đo : 40 ~ 130dB Độ chính xác : +/-2db Độ phân giải : 0,1dB Thời gian lấy mẫu : có Microphone : 12.7mm Đầu ra Analog Nguồn : Pin AAA Chức năng : Khóa dữ liệu, giá trị Min/Max...</p>
13	<p>Máy đo bức xạ tia gamma, tia X</p> <p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau</p> <p>Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<p>Thông số kỹ thuật: Hiện thị: LCD Thời gian lấy mẫu: 10 giây/lần (<math>20\mu\text{Sv/h}</math>); 1 giây/lần (> <math>20\mu\text{Sv/h}</math>) Các đơn vị: $\mu\text{Sv/h}$, $\mu\text{Rem/h}$ Phạm vi đo lường: $0,50\mu\text{Sv/h} \sim 1400\mu\text{Sv/h}$; $50\mu\text{Rem/h} \sim 140,0\mu\text{Rem/h}$ Độ phân giải: $0,01\mu\text{Sv/h}$; $1\mu\text{Rem/h}$ Kiểm tra bức xạ: bức xạ β & bức xạ γ, tia X Sự phụ thuộc năng lượng: 30KeV đến 1,3MeV Sự chính xác: $\pm 15\%$: $20\mu\text{Sv/h}$; $2000\mu\text{Rem/h}$ $\pm 20\%$: $20\mu\text{Sv/h} \sim 1400\mu\text{Sv/h}$, $2000\mu\text{Rem/h} \sim 140\mu\text{Rem/h}$ Thiết lập bảo động: Giá trị mặc định: $0,50\mu\text{Sv/h}$; Dải cài đặt: $0 \sim 19.99\mu\text{Sv/h}$ Tự động tắt nguồn: Giá trị mặc định: 30 phút; Phạm vi cài đặt: $0 \sim 60$ phút (0: tắt tự động tắt nguồn) Kích thước Loại pin: 006P 9V Tuổi thọ pin: Khoảng 50 giờ Trọng lượng: xấp xỉ 220 gram</math></p>
14	<p>Máy đo phóng xạ điện tử hiện số Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>
	<p>Thông số kỹ thuật: Tốc độ lấy mẫu: 1 time /10 giây hoặc 1 lần /40 giây Cảm biến đo phóng xạ: Geiger- mueller tube Dải đo: $0.05\mu\text{Sv/h} \sim 1400\mu\text{Sv/h}$</p>

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<p>5.00μRem/h~140.0mRem/h Độ phân giải: 0.01μSv/h 0.01μRem/h Độ chính xác: \pm15% cesium-137 Dải năng lượng Gamma: 10KeV to 1.25MeV Dải năng lượng tia X: 3KeV ~ 3.0MeV Dải năng lượng tia β-: 25KeV ~ 3.5MeV CPM: 0~1999 CPS: 0~212 Dose logger interval: 1 to 999 days Tốc độ lấy mẫu: 1 lần/10 giây Cảm biến RF: cảm biến trực đơn Dải đo: 0.1~14.0 V/m Độ chính xác: \pm2dB ~ 2.45GHz Dải tần số: 50MHz ~ 3.5GHz Dải: 0.02μW/m² to 484.6μW/m² 0.01μW/cm² to 45.3μW/cm² 36.1mV/m to 14.000V/m 0.01mA/m to 30.01 mA/m -46 dBm to 16 dBm Độ phân giải 0.01μW/m²,0.01μW/cm² 0.2 mV/m,0.02 mA/m,2dB</p>
15	<p>Đầu cảm biến đo khí Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>
	<p>Thông số kỹ thuật Chế độ hoạt động: + Với Chlorine: dùng đầu dò điện hóa + Với CO/H2S: dùng đầu dò điện hóa + Với SO2: dùng đầu dò điện hóa</p>

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<p>+ Với NH3: dùng đầu dò điện hóa</p> <p>+ Với NO2: dùng đầu dò điện hóa</p> <p>Đầu dò công nghệ điện hóa Electrochemical (Công nghệ đo và thông số đo, Dải đo, Độ phân giải)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ammonia, 0-500 ppm, 1 ppm - Carbon Monoxide, 0-1,500 ppm, 1 ppm - Chlorine, 0-50 ppm, 0.1 ppm - Hydrogen Sulfide, 0-500 ppm, 0.1 ppm - Nitrogen Dioxide, 0-150 ppm, 0.1 ppm - Sulfur Dioxide, 0-150 ppm, 0.1 ppm
16	<p>Máy đo nồng độ bụi hô hấp (PM5), toàn phần</p> <p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau</p> <p>Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>
	<p>Thông số kỹ thuật:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thiết bị đo nồng độ bụi điện tử (Máy chính, tám chuẩn, ống làm sạch bụi, pin 3xAAA, USB phần mềm, cáp ra máy tính và hướng dẫn sử dụng tiếng Việt trong vali đựng) <ul style="list-style-type: none"> • Thiết bị gọn nhẹ, dễ thao tác, màn hình màu • Máy đo thời gian thực của bụi trong không khí, khói... • Máy đo phù hợp để theo dõi sức khỏe nghề nghiệp, ngành y, được cũng như giám sát bụi công nghiệp... • Dải đo rộng 0 đến 250 g/m³ (Tự động chọn dải đo) <ul style="list-style-type: none"> ○ Dải 0 đến 2.5 mg/m³ ○ Dải 0 đến 25 mg/m³ ○ Dải 0 đến 250 mg/m³ ○ Dải 0 đến 2500 mg/m³

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<ul style="list-style-type: none"> ○ Dải 0 đến 250 g/m³ ● Độ phân giải: 0.001 mg/m³ ● Độ không ổn định: < 2µg/ m³ ● Đo dạng số và đồ thị ● Hiện thị giá trị bụi: tức thời, Max, trung bình ● Tùy chọn đa ngôn ngữ ● Đo và lấy mẫu các bụi toàn phần, bụi hô hấp, bụi kích thước PM2.5, PM10 (với các phụ kiện tùy khách hàng chọn thêm gồm bơm hút và đầu đo kèm giấy lọc bụi) ● Thời gian Logging: 1 giây đến 60 phút ● Bộ nhớ trong: 86.000 điểm giữ liệu (500 lần đo) ● Phần mềm quản lý dữ liệu: tải và lưu trữ dữ liệu tới máy tính ● Kết nối máy tính qua: Mini B USB và phần mềm ● Nguồn cấp: pin 3xAAA thời gian chạy khoảng 13 giờ ● Dải nhiệt độ hoạt động: 0-55°C ● Trọng lượng: 600 bao gồm cả pin ● Kích thước máy: 172x72x33mm ● Kích thước tay cầm: 35x205mm <p>2.Đầu lấy mẫu bụi kèm giấy lọc</p> <ul style="list-style-type: none"> ● Đầu lấy mẫu bụi kích thước, bụi hô hấp Mã : 206102B ● Bộ lọc để đo bụi PM2.5 – Gói 10 chiếc (PUF filters for PM2.5) – Mã hàng P118204 ● Bộ lọc để đo bụi PM10 – Gói 10 chiếc (PUF filters for PM10) – Mã hàng P118206 ● Bộ lọc để đo bụi hô hấp – Gói 10 chiếc (SPUF filters for Respirable) – Mã hàng P118208 ● 1 gói Giấy lọc Mã : P102051 ● Bộ lọc đo bụi hô hấp PM 5 <p>3.Bơm lấy mẫu bụi, khí (Bom APEX 2 IS, Đế sạc và cáp USB, 1 mét ống lấy mẫu và hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Anh)</p>

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<ul style="list-style-type: none"> • Lưu lượng: 1000-5000 ml/phút • Kiểm soát lưu lượng: $<\pm 5\%$ tại điểm chuẩn • Độ ổn định dòng: $<10\%$ @ 2l / phút • Lỗi đầu dò: Tự động bắt đầu lại. • Màn hình hiển thị: Colour OLED • Nhiệt độ hoạt động: $0\div45^{\circ}\text{C}$, độ ẩm $30\div95\% \text{RH}$, áp suất tự động điều chỉnh • Pin sạc: Li ion hoạt động trên 9 tiếng
17	<p>Máy đo nhiệt độ, độ ẩm</p> <p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau</p> <p>Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>
	<p>Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các đặc điểm chung + Các kích thước (L x W x H): 140 x 88 x 38 mm + Trọng lượng: 160 g (trọng bộ với bộ pin) + Các vật liệu: ABS + Màn hình: 2 hàng $4\frac{1}{2}$ các số cộng các ký hiệu; diện tích nhìn thấy được: 52x42 mm - Mức độ bảo vệ: IP67 - Các điều kiện vận hành + Nhiệt độ vận hành: $-5 \dots 50^{\circ}\text{C}$ + Nhiệt độ bảo quản: $-25 \dots 65^{\circ}\text{C}$ + Độ ẩm tương đối làm việc: $0 \dots 90\% \text{RH}$ không ngưng tụ - Các kết nối + Mô đun đầu vào cho các đầu dò: đầu nối 8-pole male DIN45326

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<p>- Nguồn cấp điện</p> <p>+ Bộ pin: 3 pin 1,5V loại AA</p> <p>+ Tự hoạt động: 200 giờ với bộ pin kiềm 1800 mAh</p> <p>+ Công suất hấp thụ trong khi thiết bị tắt: < 20μA</p> <p>* <u>Đầu dò đo nhiệt độ và độ ẩm tương đối:</u></p> <p>- Dải đo độ ẩm tương đối - nhiệt độ</p> <p>+ Độ ẩm tương đối: 0 ... 100% RH</p> <p>+ Nhiệt độ: -20°C ... +80°C</p>
18	<p>Máy đo bức xạ nhiệt</p> <p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau</p> <p>Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>
	<p>Thông số kỹ thuật:</p> <p>Trong và ngoài không có ánh nắng mặt trời</p> <p>Dải đo: 0°C~59.0°C</p> <p>Độ phân giải: 0.1°C</p> <p>Độ chính xác @15~40°C: $\pm 1.0^\circ\text{C}$</p> <p>Ngoài trời có nắng</p> <p>Dải: 0°C~56.0°C</p> <p>Độ phân giải: 0.1°C</p> <p>Độ chính xác tại 15~40°C: $\pm 1.5^\circ\text{C}$</p> <p>Nhiệt độ không khí (TA):</p> <p>Dải đo: 0°C~59.0°C/ 31°F~122.0°F</p> <p>Độ phân giải: 0.1°C/ 0.1°F</p> <p>Độ chính xác tại 15~40°C: $\pm 0.8^\circ\text{C}/ \pm 1.5^\circ\text{F}$</p> <p>Nhiệt độ qua cầu đen(TG)</p> <p>Dải: 0°C~80.0°C/ 32°F~176.0°F</p> <p>Độ phân giải: 0.1°C/ 0.1°F</p> <p>Độ chính xác tại 15~40°C: $\pm 0.6^\circ\text{C}/ \pm 1.1^\circ\text{F}$</p> <p>Nhiệt độ điểm sương (DEW)</p>

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<p>Dải: -35.3°C~48.9°C/ -31.5°F~120.1°F Độ phân giải: 0.1°C/ 0.1°F</p>
19	<p>Máy X-quang cao tần 500mA</p> <p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau</p> <p>Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>
	<p>Thông số kỹ thuật:</p> <p>I. Hệ thống máy chụp X-quang</p> <p>1. Tủ phát cao tần</p> <p>Điều khiển bằng vi xử lý</p> <p>Chế độ hoạt động: Hoạt động đồng thời 3 thông số kV, mA, mAs</p> <p>Công suất đầu ra tối đa: 50 kW</p> <p>Phạm vi kV: 40 - 125 kVp</p> <p>Dòng điện đầu ra: 18 mức, bao gồm: 10, 12.5, 16, 20, 25, 32, 40, 50, 63, 80, 100, 125, 160, 200, 250, 320, 400, 500</p> <p>Phạm vi mAs: 0.1 - 500 mAs</p> <p>Hiện thị các thông số kỹ thuật (kV, mA, mAs)</p> <p>Thời gian chụp: 0.001 ~ 10 giây</p> <p>Nguồn điện yêu cầu: 3 pha 380VAC</p> <p>Chương trình ứng dụng giải phẫu học: 216 thông số</p> <p>Chụp bằng bảng điều khiển và công tắc</p> <p>2. Bàn chụp X-Quang</p> <p>I. Hệ thống máy chụp X-quang</p> <p>1. Tủ phát cao tần</p>

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<p>Điều khiển bằng vi xử lý</p> <p>Chế độ hoạt động: Hoạt động đồng thời 3 thông số kV, mA, mAs</p> <p>Công suất đầu ra tối đa: 50 kW</p> <p>Phạm vi kV: 40 - 125 kVp</p> <p>Dòng điện đầu ra: 18 mức, bao gồm: 10, 12.5, 16, 20, 25, 32, 40, 50, 63, 80, 100, 125, 160, 200, 250, 320, 400, 500</p> <p>Phạm vi mAs: 0.1 - 500 mAs</p> <p>Hiện thị các thông số kỹ thuật (kV, mA, mAs)</p> <p>Thời gian chụp: 0.001 ~ 10 giây</p> <p>Nguồn điện yêu cầu: 3 pha 380VAC</p> <p>Chương trình ứng dụng giải phẫu học: 216 thông số</p> <p>Chụp bằng bảng điều khiển và công tắc</p> <p>2. Bàn chụp X-Quang</p> <p>Di chuyển: bàn chụp di chuyển 4 chiều</p> <p>Khả năng di chuyển của mặt bàn:</p> <p>+ Ngang: ± 96 mm</p> <p>+ Dọc: ± 308 mm</p> <p>Khoảng cách từ mặt bàn đến tấm nhận ảnh: 65mm</p> <p>Bộ lọc: bằng nhôm 1.2mm Al</p> <p>Kích thước cassette: trong khoảng từ 8x10" đến 17x17"</p> <p>Trọng tải tối đa: 250kg</p> <p>Khóa hệ thống: khóa điện từ</p> <p>Điều khiển di chuyển bàn chụp bằng công tắc chân</p> <p>Kích thước khoảng: 1889 x 806mm $\pm 2\%$</p>

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<p>Chiều cao bàn khoảng: 700mm ± 2%</p> <p>3. Cột đỡ đầu đèn</p> <p>Loại: hệ thống thanh ray gắn sàn</p> <p>Phạm vi di chuyển theo chiều ngang (trái – phải): 1275 mm</p> <p>Phạm vi di chuyển theo chiều thẳng đứng: 1280mm (trong khoảng từ 400 – 1680mm)</p> <p>Khóa điện từ</p> <p>Bóng X-quang quay: ±150°</p> <p>4. Bóng X-quang 125kVp</p> <p>Loại: Anode xoay</p> <p>Số tiêu điểm bóng tối thiểu: 2 (tiêu điểm nhỏ và tiêu điểm lớn)</p> <p>+ Tiêu điểm nhỏ 1.0mm</p> <p>+ Tiêu điểm lớn 2.0mm</p> <p>Dòng cực đại cho đầu bóng đèn: 125kV</p> <p>Góc Anode: 16°</p> <p>Tốc độ quay Anode trong khoảng: 2700 đến 3000 vòng/phút</p> <p>Lọc của Anode: tối đa 2.4 mm Al</p> <p>Khả năng chịu nhiệt: 140kHU</p> <p>5. Bộ chuẩn trực chùm tia X</p> <p>Kiểu điều khiển: Bằng tay</p> <p>Ứng dụng: Là thiết bị định vị để chụp X quang điện áp bóng đèn tối đa 150kV.</p> <p>Kích thước trường tối đa: (43 x 43) cm ở 100 cm</p> <p>Kích thước trường tối thiểu: (1 x 1) cm ở 100 cm</p> <p>Bộ lọc bằng nhôm dày khoảng 1.5mm Al</p>

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<p>Thời gian mở của nguồn sáng là: loại nút nhân / khoảng 30 giây đèn sẽ tự tắt.</p> <p>Nguồn sáng: Đèn LED</p> <p>Độ sáng của nguồn sáng: 160 Lux tại SID 100cm</p> <p>6. Giá chụp phôi</p> <p>Phạm vi di chuyển theo chiều thẳng đứng: 1,280mm (trong khoảng từ 400 – 1680mm)</p> <p>Khoảng cách từ vỏ bucky đến tấm nhận ảnh: 50mm</p> <p>Di chuyển thẳng đứng và phanh điều khiển bằng công tắc</p> <p>Kích cỡ cassette: trong khoảng từ 8x10” đến 17x17”</p> <p>Hệ thống khóa điện từ.</p> <p>7. Cấp cao áp</p> <p>Cấp cao thế bộ dây dài 8 m, với bộ đầu cảm.</p> <p>Tải xuất điện áp tối đa: 150kV</p> <p>II. Tấm nhận ảnh phẳng</p> <p>1. Tấm nhận ảnh kỹ thuật số</p> <p>Ứng dụng: X- quang tổng quát</p> <p>Cỡ ảnh: 17 x 17 inch (430 x 430 mm)</p> <p>Độ phân giải: 3,072 x 3072 (khoảng 9.4 Mega Pixel)</p> <p>Kích thước Pixel: 140 μm</p> <p>Chuyển đổi A/D: 16 bit</p> <p>Chế độ chụp: Tự động cảm nhận tia Xquang</p> <p>Chế độ hiệu chỉnh: Hiệu chỉnh tự động, hiệu chỉnh bằng tay</p> <p>Phạm vi năng lượng: từ 40 - 150 kVp</p> <p>Thời gian nhận hình ảnh xem trước: ≤ 1 giây</p>

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<p>Thời gian nhận hình ảnh và xử lý: ≤ 3 giây</p> <p>Chất liệu vỏ bọc tấm nhận ảnh: Nhôm</p> <p>Chất liệu vỏ bảo vệ cảm biến: Sợi carbon và nhôm tấm</p> <p>2. Trạm làm việc và phần mềm xử lý ảnh</p> <p>Trạm làm việc (mua tại Việt Nam)</p> <p>Máy tính với cấu hình:</p> <ul style="list-style-type: none"> + CPU Core i5, + Ram8Gb, + HDD 1TB + Window bản quyền <p>Màn hình LCD: 23.9 inch</p> <p>Phần mềm chuyên dụng tích hợp DICOM: Có</p> <p>Các chức năng xử lý hình ảnh: Có</p> <p>III. Máy in phim khô (Mua tại Việt Nam)</p> <p>Công suất in: 75 phim/ giờ (cỡ phim 35x 43cm).</p> <p>Sử dụng được các loại phim 20x25cm, 25x30 cm, 26x36cm, 35x35cm, 35x43 cm</p> <p>Số khay: 02 khay chứa phim</p> <p>Độ phân giải: 508 dpi</p> <p>Độ tương phản: 14 bits</p> <p>Kết nối chuẩn DICOM</p>
20	<p>Máy phân tích huyết học tự động</p> <p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau</p> <p>Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế</p>

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.
	<p>Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Thông số đo Phân tích 21 thông số huyết học, bao gồm 3 thành phần bạch cầu gồm: WBC, RBC, HGB, MCV, MCH, MCHC, HCT, PLT, NEU#, MXD#, LYM#, NEU%, MXD%, LYM%, RDW-CV, RDW-SD, PDW, MPV, PCT, P-LCR, P-LCC. -Biểu đồ hiển thị: 3 biểu đồ WBC, RBC, PLT -Nguyên lý đo: WBC, RBC, PLT bằng trở kháng. -HGB so màu với thuốc thử không có Cyanua. -Buồng đếm: WBC:100µm, RBC/PLT: 70 µm -Thế tích hút mẫu: 6µl đối với chạy máu toàn phần; 20µl đối với chạy máu pha loãng -Công suất đo: 60 mẫu/ giờ. - Màn hình: Màn hình chạm 10.1 inch, độ phân giải 1024x600 - Thuốc thử: Gồm 3 loại: Diluent, Lyse, Clean - Định chuẩn: Bảng thủ công, Tự động và bằng máu tươi. - Chế độ phân tích: Chế độ chạy mẫu máu toàn phần và chế độ chạy pha loãng. <p>Nguồn cấp:100-240VAC 50/60Hz.</p>
21	<p>Máy xét nghiệm sinh hóa máu tự động</p> <p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau</p> <p>Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>
	<p>Thông số kỹ thuật:</p> <p>1. Tổng quan về thiết bị</p> <p>Loại thiết bị: Hoàn toàn tự động, riêng biệt, ưu tiên cấp cứu STAT</p> <p>Tốc độ phân tích: 240 Test/giờ (hóa chất đơn và đôi)</p>

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<p>Nguyên tắc đo: Phương pháp so màu, phương pháp đo độ đục</p> <p>Phương pháp phân tích: Điểm cuối, động học, thời gian cố định, ...</p> <p>Hỗ trợ bước sóng đơn/đôi và 1-2 mẫu đa chất thử, chuẩn tuyến tính và phi tuyến tính.</p> <p>2. Khay chất thử và mẫu.</p> <p>Vị trí mẫu và chất thử: Chất thử và mẫu được dùng chung 1 khay, tổng 67 vị trí, mẫu và chất thử được làm mát ở nhiệt độ 5 – 15 độ C trong vòng 24 giờ.</p> <p>Cuvette mẫu: Cốc chuẩn, ống máu góc, ống với nhiều kích cỡ (Ø12~16) mm × (25~100)mm</p> <p>Thể tích mẫu: 3µl-35µl, 0,1µl bước (step)</p> <p>Thể tích chất thử: R1: 10µl- 350µl, R2: 10µl- 200µl, 0,1µl bước (step).</p> <p>Đầu dò mẫu và hóa chất: có chức năng phát hiện mực chất lỏng và chống va chạm.</p> <p>Tỷ lệ nhiễm chéo ở đầu dò mẫu và chất thử: Có chế độ rửa tự động bằng nước nóng. tỷ lệ nhiễm chéo ≤0.1%</p> <p>Pha loãng mẫu tự động: 3 ~115</p> <p>3. Khay phản ứng</p> <p>Cuvette phản ứng: 120 vị trí cho cuvette nhựa quang học, đường kính quang 6mm</p> <p>Thể tích tổng dung dịch phản ứng: 150µl-550µl</p> <p>Nhiệt độ phản ứng: 37°C, ± 0.1°C</p> <p>Nhiệt độ ổ định của đĩa phản ứng: Nước tuần hoàn.</p> <p>Kim trộn ngay sau khi hút chất thử.</p> <p>Làm sạch cuvette phản ứng với 8 điểm dừng, 12 bước bằng nước ấm.</p> <p>Xử lý nước thải: Chức năng cảnh báo mực nước thải đậm đặc</p> <p>4. Hệ thống quang học</p> <p>Nguồn sáng: Đèn halogen 20W/12V.</p> <p>Hình ảnh đơn sắc: Quang học chiếu sáng.</p>

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<p>Đường dẫn quang: Sau khi đo quang phổ</p> <p>Bước sóng: 340nm, 380nm, 405nm, 450nm, 480nm, 505 nm, 546 nm, 570 nm, 600 nm, 660nm, 700 nm, 750 nm, hoặc 800 nm</p> <p>Thiết bị phát hiện: Photodiode LED array</p> <p>Dải tuyến tính OD: 0~3.3 Abs</p> <p>5. Chuẩn và QC</p> <p>Phương pháp chuẩn: Phương pháp đo độ tuyến tính 1 điểm, phương pháp đo độ tuyến tính 2 điểm, đa điểm và phi tuyến tính</p> <p>Theo dõi chuẩn máy: Tự động vẽ biểu đồ giá trị K</p> <p>Phương pháp QC: QC theo thời gian thực, QC từng lần và QC hàng tháng</p> <p>Ngoài tầm kiểm soát: Mẫu thử được cảnh báo khi ngoài tầm kiểm soát, được ghi lại nguyên nhân khi mất kiểm soát</p> <p>6. Hệ thống vận hành</p> <p>Phần mềm: Dùng phần mềm đồ họa, bảng tiếng anh</p> <p>Chức năng phần mềm: Hiệu chuẩn tự động, quét mã vạch tự động, xét nghiệm tổng hợp, quản lý thông tin thuốc thử, chỉ số huyết thanh, giám sát toàn bộ quá trình phản ứng, ghi nhớ cốc bản, ngăn ngừa quy trình lấy nhiễm chéo, lưu thông tin bệnh nhân và liên kết đầu vào, kiểm tra báo cáo tự động, truy vấn nhiều thông số dữ liệu, thông kê và in ấn định dạng báo cáo, phân loại phạm vi tham chiếu, phân loại thông tin báo động, phân loại quyền điều hành của người dùng, chế độ nghỉ và làm việc tự động, hỗ trợ trực tuyến theo thời gian thực, báo động để bảo trì hàng ngày, hàng tuần và hàng tháng.</p> <p>In ấn và báo cáo: Chế độ in báo cáo hỗ trợ định danh, nội kiểm và thông tin cơ sở</p>
22	<p>Máy ly tâm</p> <p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau</p> <p>Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>
	<p>Thông số kỹ thuật:</p> <p>Thông số máy chính:</p> <p>- Điện áp: 200 – 240V, 1 pha</p>

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<ul style="list-style-type: none"> - Tần số: 50 – 60 Hz - Tiêu thụ điện năng: 300 VA - Khả năng tương tích điện từ: EN / IEC 61326-1, loại B - Công suất ly tâm tối đa: 4 x 100 ml / 6 x 94 ml - Tốc độ ly tâm tối đa: 6,000 vòng/phút - Lực ly tâm tối đa: 4,226 RCF - Thời gian ly tâm: Cài đặt 1 - 99 phút hoặc chạy liên tục hoặc ly tâm chu kỳ ngắn - Kích thước (rộng x sâu x cao): 366 x 430 x 257 mm - Khối lượng: Khoảng 23 kg - Độ ồn tối đa: ≤ 52 dB (A) <p>Thông số Rotor:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tốc độ ly tâm tối đa: 4,000 vòng/phút - Lực ly tâm tối đa: 2,451 RCF - Công suất ly tâm tối đa: 4 x 50 ml - Thời gian tăng tốc: 22 giây - Thời gian giảm tốc: 25 giây - Góc rotor: 90° - Độ ồn tối đa: 55 dB (A)
23	<p>Máy lắc ống máu</p> <p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau</p> <p>Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>
	<p>Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn điện: 230V, 50/60Hz - Khối lượng: 5.1 kg

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước (w x d x h): 565 x 240 x 110mm - Kích thước con lăn (L x ø): 340 x 30 mm - Tốc độ vòng quay: 5 – 60 rpm - Khối lượng tối đa có thể trộn: 3 kg - Điều khiển kỹ thuật số - Thời gian cài đặt: 1 giây đến 9 giờ
24	<p>Máy phân tích nước tiểu II thông số</p> <p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau</p> <p>Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>
	<p>Thông số kỹ thuật:</p> <p>Các thông số đo : UBG, BIL,KET, BLD, PRO, NIT, LEU, GLU, SG, PH, VC hoặc MALB</p> <p>Bước sóng: 525nm, 572nm, 610nm, 660nm</p> <p>Phương pháp đo: Sử dụng công nghệ so màu quang điện</p> <p>Công suất xét nghiệm: Có thể lựa chọn 60 hoặc 120 test/giờ</p> <p>Quét mã vạch Màu và Độ trong: Tùy chọn Bật-Tắt có sẵn. Người dùng quét mã vạch để xác định màu sắc và độ trong tương ứng của kết quả.</p> <p>Lưu trữ: 1000 kết quả bệnh nhân</p> <p>Kết nối : Cổng RS- 232, cổng máy in</p> <p>Hiện thị: Màn hình LCD với độ phân giải 240x64</p> <p>Ngôn ngữ: Anh</p> <p>Nguồn điện sử dụng: 100-240 V,50/60Hz</p> <p>Công suất: 40 VA</p> <p>Máy in: Máy in nhiệt tích hợp sẵn trong máy</p>

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
25	<p>Tủ ấm các cỡ các loại nhiệt độ</p> <p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>
	<p>Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn điện : 230V/ 50Hz - Kích thước ngoài (rộng x sâu x cao): 730 x 645 x 870mm - Kích thước trong (rộng x sâu x cao): 600 x 510 x 500mm - Thể tích: 153 lít. - Giá đỡ dạng lưới bằng thép không gỉ, số lượng : 03 cái. - Đồi lưu không khí tự nhiên với lớp áo khí. - Hệ thống điều khiển nhiệt độ vi xử lý - Hẹn giờ: tự động với chức năng trễ, khoảng cài đặt từ 0 – 99 giờ 59 phút. - Gia nhiệt: 300W - Đầu dò : Loại cảm biến nhiệt - Khoảng điều chỉnh nhiệt độ: <ul style="list-style-type: none"> + Từ nhiệt độ môi trường +5°C đến 60°C (với nhiệt độ môi trường từ 0°C đến 20°C) + Từ nhiệt độ môi trường +5°C đến 80°C (với nhiệt độ môi trường từ 20°C đến 35°C) - Độ chính xác nhiệt độ: ± 0.2°C (Khi nhiệt độ điều khiển tới 60°C), ± 0.5°C (Khi nhiệt độ điều khiển trong khoảng +60°C đến 80°C) - Độ đồng đều nhiệt độ: ±1°C
26	<p>Tủ mát bảo quản hóa chất</p> <p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<p>Thông số kỹ thuật:</p> <p>Kiểu: Tủ mát dạng đứng</p> <p>Thể tích: 390L</p> <p>Nhiệt độ bảo quản: +2°C - +8°C</p> <p>Kiểu làm lạnh: dòng khí cưỡng bức</p> <p>Môi chất: Không CFC</p> <p>Độ ồn: 43 dB</p> <p>Điều khiển: Vi xử lý</p> <p>Màn hình: LED</p> <p>Nguồn điện: 220-240V/50Hz</p> <p>Công suất: 380W</p> <p>Trọng lượng: 116/139 (kg)</p> <p>Kích thước trong (W*D*H): 530 * 555 * 1380mm</p> <p>Kích thước ngoài (W*D*H): 665 * 710 * 1965mm</p> <p>Khóa an toàn: Có khóa an toàn, tránh sự truy cập trái phép</p> <p>Cảnh báo: bảng Âm thanh và hình ảnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cảnh báo lỗi nguồn - Cảnh báo khi nhiệt độ quá ngưỡng - Cảnh báo lỗi sensor - Cảnh báo pin dự phòng hết - Cảnh báo cửa mở
27	<p>Tử <small>ĐẠI</small> toàn sinh học cấp 2</p> <p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau</p>

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<p>Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p> <p>Thông số kỹ thuật:</p> <p>Tốc độ thổi xuống: 0.35m/s</p> <p>Tốc độ hút vào: 0.55m/s</p> <p>Độ rung: < 0.5μm</p> <p>Màng tiền lọc : Có</p> <p>Đèn huỳnh quang chiếu sáng: Đèn LED (31W)</p> <p>Đèn UV: 30W</p> <p>Độ cao cửa mở an toàn: 200mm</p> <p>Độ chiếu sáng: >900lux</p> <p>Độ ồn 58-65dB</p> <p>Hiện thị: LCD</p> <p>Điện áp: 220V/50Hz</p> <p>Vật liệu bàn làm việc: Inox không gỉ 304</p> <p>Vật liệu tủ: Thép sơn tĩnh điện với vật liệu chống khuẩn</p>
28	<p>Kính hiển vi 2 mắt</p> <p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau</p> <p>Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>
	<p>Thông số kỹ thuật:</p> <p>-Có xử lý chống mốc trên các bộ phận quang học bên trong kính.</p> <p>-Hệ thống quang học vô cực UIS2 (hiệu chuẩn vô hạn)</p>

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<p>-Đầu quan sát hai thị kính quan sát. Có thể điều chỉnh khoảng cách giữa hai đồng từ 48 – 75 mm. Có vòng chỉnh độ diop phù hợp với từng người quan sát.</p> <p>-Ổ gắn vật kính dạng mâm xoay 360°, có 4 vị trí lắp vật kính.</p> <p>-Độ phóng đại: 4X, 10X, 40X, 100X.</p> <p>-Thị kính có chống mốc 10x, quang trường F.N.=20</p> <p>-Vật kính chống mốc – plan achromat (tiêu sắc – phẳng) 4X, 10X, 40X, 100XOil.</p> <p>-Bàn sa trượt có cơ cấu giữ mẫu và dịch chuyển mẫu theo hai chiều X-Y; Hệ thống truyền động không dùng thanh răng</p> <p>-Núm chỉnh di chuyển loại đồng trục bố trí bên phải. Hành trình di chuyển mẫu: 76 x 30mm.</p> <p>-Điều chỉnh lấy hình ảnh (tiêu cự) có hai cấp độ chỉnh sơ cấp và chỉnh tinh, bố trí hai bên thân kính dễ dàng thao tác.</p> <p>-Tụ quang Abbe- NA =1.25, có điều chỉnh màn chắn sáng.</p> <p>-Nguồn sáng: Hệ thống chiếu sáng truyền suốt dùng đèn LED, có núm điều chỉnh cường độ ánh sáng và vòng chỉnh màn chắn sáng.</p> <p>-Nguồn điện: 220V/50Hz</p>
29	<p>PCR - Nồi hấp ước tiệt trùng</p> <p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau</p> <p>Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>
	<p>Thông số kỹ thuật: Nồi hấp dạng đứng</p> <p>Vỏ nồi làm bằng thép sơn tĩnh điện, buồng hấp được làm bằng inox 304.</p> <p>Được trang bị bộ điều khiển kỹ thuật số P.I.D Control.</p> <p>Bộ điều khiển Bộ vi xử lý FND & LED Điều khiển có thể lập trình</p> <p>Hệ thống cửa Loại một tay nắm (Vít đơn)</p> <p>Chức năng an toàn: Van áp suất an toàn / Nhiệt độ quá mức, Bảo vệ / Bảo vệ quá áp / Van hơi thủ công / Phương pháp xả làm mát bằng hơi nước / Cầu dao / Cảm biến mực nước / Bảo động bằng còi / v.v.</p>

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
30	<p>Dung tích: 103 lít Loại thêm nước tự động Thang nhiệt độ làm việc : Môi trường đến 130 °C Kiểm soát nhiệt độ: Pt-100Ω Độ chính xác nhiệt độ: ± 0.5 độ C Áp suất sử dụng 0~1.2kg/cm² Phạm vi áp suất: 0~ 3Kg/ cm² Cài đặt thời gian: 99 giờ 59 phút Kích thước bên trong nồi: dây Ø 450mm x cao 650mm Kích thước ngoài nồi (WxDxH): 675 x 690 x 1160mm Bộ vi xử lý nhiệt độ LED Công suất: 4kW Nguồn: AC 220V, 60Hz</p> <p>Micropipet 8 kênh các loại thể tích</p> <p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p> <p>Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thể điều chỉnh được thể tích - Có thể hấp tiệt trùng toàn bộ thân 20 phút ở 121°C - Dễ dàng thay đổi đầu điều chỉnh - Có thể xoay 360°C, cho phép thao tác ở mọi góc mọi hướng. - Cán nhà tip công thái học - Sử dụng lực nhẹ lên thân của đầu nhà tip - Phân bố trọng lượng cân bằng - Hệ thống lò xo mềm phù hợp với ngón tay cái - Công nghệ bộ đôi vòng đệm O cho đầu tip khít - Thanh đẩy công giúp giảm lực khi nhà tip.

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
31	<p>Bộ máy XN miễn dịch bán tự động, gồm: Máy đọc + Máy rửa + Máy ủ</p> <p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau</p> <p>Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>
	<p>Thông số kỹ thuật:</p> <p>1. Máy scan:</p> <p>Phương pháp đọc: Đọc độ hấp thụ</p> <p>Loại khay đọc: Khay 96 giếng (loại U, V hoặc giếng có đáy phẳng)</p> <p>Hệ thống đo: Đo quang 8 kênh</p> <p>Tốc độ đọc: Bước sóng đơn: 12 giây; bước sóng đôi: 30 giây</p> <p>Nguồn sáng: Đèn Halogen 12/ 20W, tuổi thọ: 2,000 giờ</p> <p>Kính lọc ở các bước sóng: 405nm, 450nm, 492nm, 630nm, 4 vị trí kính lọc mở rộng</p> <p>Khả năng lập trình của phần mềm: 42 chương trình có thể được lập trình sẵn</p> <p>Lập trình lượng hút: Có thể lập trình trên máy</p> <p>Dải đo: 0.001-3.500Abs</p> <p>Dải đo: 0.001-2.500Abs</p> <p>Độ chính xác quang học: $< 1\% \pm 0.001\text{Abs}$</p> <p>Độ chính xác bước sóng : $< 2\text{nm}$</p> <p>Khả năng lặp lại: $\leq 1\%$</p> <p>Độ ổn định: $\leq 0.005 \text{ Abs/ 10min}$</p> <p>Độ tuyến tính: $\leq \pm 0.001\text{Abs}$</p> <p>Lập trình lắc: Có thể cài đặt các chương trình lắc: thấp, trung bình, cao</p> <p>Vận hành: Qua màn hình LCD cảm ứng</p>

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
2.	<p>Máy rửa:</p> <p>Loại khay: Có khả năng rửa tất cả các loại khay plate chữ U, V và phẳng</p> <p>Đầu rửa: 8 kênh hoặc 12 kênh</p> <p>Chương trình rửa: Lập trình được 40 chương trình rửa</p> <p>Chu trình rửa: 1-9</p> <p>Lượng hút: 50 - 450μl</p> <p>Độ lệch: <5% ở thể tích rửa 300μl</p> <p>Chống chảy tràn: Có thể lập trình trên máy</p> <p>Định lượng hút: Có thể lập trình trên máy</p> <p>Thể tích dung dịch bơm còn sót lại trên mỗi gióng: < 2ul đối với ống V/U và 3ul đối với ống đáy phẳng</p> <p>Thời gian ngâm: 99 giây</p> <p>Lựa chọn các kênh rửa: 1\times8, 1\times12</p> <p>Chai rửa có sẵn trên máy: 1\times3.5L (bình rửa), 1\times3.5L(bình đựng thái)</p> <p>Màn hình nhập dữ liệu: Màn hình cảm ứng</p> <p>3. Máy ú:</p> <p>Số khay: 2 khay</p> <p>Tần số quay mỗi phút: 100 – 1200 rpm</p> <p>Biên độ: 2 mm</p> <p>Thời gian cài đặt: 0 – 100 giờ</p> <p>Tương thích: Khay Elisa hoặc khay nuôi cấy tế bào</p> <p>Hiện thị nhiệt độ: Trên màn hình LCD</p> <p>Cài đặt nhiệt độ: 5 – 70 độ C</p> <p>Độ sai số nhiệt độ: \pm 0.5 độ C</p>

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	Đồng nhất nhiệt độ: ± 0.3 độ C
32	<p>Dàn máy ELISA tự động</p> <p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau</p> <p>Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>
	<p>Thông số kỹ thuật:</p> <p>Hiệu suất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ tiếp mẫu: Tự động/ riêng lẻ - Nguyên lý: Xét nghiệm miễn dịch trên công nghệ hóa phát quang trực tiếp Acridinium Ester (AE) - Công suất: 180 T/H trên mỗi mô-đun - Thời gian cho kết quả đầu tiên: 14 phút <p>Hệ thống tiếp mẫu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khả năng chứa mẫu: 50 mẫu, sử dụng Rack để chứa mẫu. - Tự động chạy lại, mẫu khẩn (STAT) có thể để ở vị trí bất kỳ và được ưu tiên xử lý <p>Hệ thống kiểm soát mẫu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ nhiễm chéo mẫu <0.1ppm - Phát hiện mức dịch / bọt / cục máu đông - Kiểm soát dung tích / Chóng va chạm kim - Loại mẫu: huyết thanh / huyết tương / máu toàn phần / nước tiểu <p>Hệ thống thuốc thử</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 30 vị trí thuốc thử - Quản lý thông tin bằng công nghệ nhận dạng qua tần số vô tuyến (RFID) - Trộn thuốc thử bằng hạt từ tính

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
33	<p>- Thay thuốc thử không dùng máy</p> <p>Hệ thống nạp vật tư tiêu hao</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khả năng chứa 1200 Cuvette - Chi cần đổ Cuvette vào hộc tiếp tự động <p>Hệ thống đọc phản ứng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhiệt độ phản ứng: 37°C - Chế độ đọc: tương thích với các xét nghiệm miễn dịch phổ biến - Hệ thống trộn: không tiếp xúc - Tách từ tính: sử dụng nhiều công nghệ tách từ tính <p>Tính năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ điều hành: Windows 7 hoặc cao hơn - Hiện thị: Màn hình cảm ứng - Hệ thống chẩn đoán truy cập từ xa - Tự động mở và tắt máy + - Kết nối dữ liệu 2 chiều <p>Tủ lạnh âm sâu - 20-80 độ C.</p> <p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau</p> <p>Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>
	<p>Thông số kỹ thuật:</p> <p>Dải nhiệt độ: -40 ~ 86 độ C</p> <p>Tương thích khí hậu: Class N</p> <p>Dung tích: 338L</p>

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<p>Kiểu tủ: Dạng đứng</p> <p>Độ ồn: 50dB</p> <p>Kích thước ngoài: 812*893*1846(mm)</p> <p>Kích thước trong: 465*630*1165(mm)</p> <p>Nguồn điện: 220-240/50</p> <p>Điện năng tiêu thụ: 900W</p> <p>Chất làm lạnh: HC</p> <p>Chế độ đã đông : Thủ công</p> <p>Kiểu làm lạnh: Làm lạnh trực tiếp.</p> <p>Bộ điều khiển : Vi xử lý</p> <p>Cảnh báo: bằng âm thanh và hình ảnh</p> <p>Cảnh báo khi quá nhiệt</p> <p>Cảnh báo khi cửa mở</p> <p>Cảnh báo khi lỗi nguồn</p> <p>Cảnh báo khi lỗi sensor....</p>
34	<p>Pipet điện tử đa kênh (2-200µl)</p> <p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau</p> <p>Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>
	<p>Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thể điều chỉnh được thể tích - Có thể hấp tiệt trùng toàn bộ thân 20 phút ở 121°C - Dễ dàng thay đổi đầu điều chỉnh

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể xoay 360°C, cho phép thao tác ở mọi góc mọi hướng. - Cán nhà tip công thái học - Sử dụng lực nhẹ lên thân của đầu nhà tip - Phân bố trọng lượng cân bằng - Hệ thống lò xo mềm phù hợp với ngón tay cái - Công nghệ bộ đôi vòng đệm O cho đầu tip khít - Thanh đẩy cong giúp giảm lực khi nhà tip.
35	<p>Máy ly tâm lạnh 8-24 lít</p> <p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau</p> <p>Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>
	<p>Thông số kỹ thuật:</p> <p>Thông số máy chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điện áp: 200 – 240V, 1 pha - Tần số: 50 – 60 Hz - Tiêu thụ điện năng: 450 VA - Khả năng tương tích điện từ: EN / IEC 61326-1, loại B - Công suất ly tâm tối đa: 30 x 1.5 / 2.0 ml - Tốc độ ly tâm tối đa: 15,000 vòng/phút - Lực ly tâm tối đa: 21,382 RCF - Thời gian ly tâm: Cài đặt 1 - 99 phút hoặc chạy liên tục hoặc ly tâm chu kỳ ngắn - Kích thước (rộng x sâu x cao): 281 x 553 x 260 mm - Khối lượng: Khoảng 28 kg - Độ ồn tối đa: ≤ 54 dB (A) - Khoảng nhiệt độ điều khiển: -10 đến +40 °C

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<p>Thông số Rotor:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tốc độ ly tâm tối đa: 15,000 vòng/phút - Lực ly tâm tối đa: 21,382 RCF - Công suất ly tâm tối đa: 24 x 2 ml - Thời gian tăng tốc: 20 giây - Thời gian giảm tốc: 28 giây - Góc rotor: 45° - Độ ồn tối đa: 53 dB (A) <p>Nhiệt độ thấp nhất ở tốc độ ly tâm cao nhất: +4°C</p>
36	<p>Tủ mát bảo quản mẫu và hóa chất</p> <p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau</p> <p>Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>
	<p>Thông số kỹ thuật:</p> <p>Kiểu: Tủ mát dạng đứng</p> <p>Thể tích: 390L</p> <p>Nhiệt độ bảo quản: +2°C - +8°C</p> <p>Kiểu làm lạnh: dòng khí cưỡng bức</p> <p>Môi chất: Không CFC</p> <p>Độ ồn: 43 dB</p> <p>Điều khiển: Vi xử lý</p> <p>Màn hình: LED</p> <p>Nguồn điện: 220-240V/50Hz</p> <p>Công suất: 380W</p>

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<p>Trọng lượng: 116/139 (kg)</p> <p>Kích thước trong (W*D*H): 530 * 555 * 1380mm</p> <p>Kích thước ngoài (W*D*H): 665 * 710 * 1965mm</p> <p>Khóa an toàn: Có khóa an toàn, tránh sự truy cập trái phép</p> <p>Cảnh báo: bằng Âm thanh và hình ảnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cảnh báo lỗi nguồn - Cảnh báo khi nhiệt độ quá ngưỡng - Cảnh báo lỗi sensor - Cảnh báo pin dự phòng hết - Cảnh báo cửa mở
37	<p>Thiết bị trợ PIPETTUS</p> <p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau</p> <p>Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>
	<p>Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dụng cụ trợ pipett được thiết kế sử dụng với cảm giác thoải mái, nhẹ nhàng và sử dụng được cho hầu hết các loại Pipette. - Dùng cho Pipette dung tích từ 1ml đến 100ml - Thang tốc độ có thể điều chỉnh bằng bánh xe phía sau thiết bị - Tốc độ và áp suất có thể thay đổi bằng nút điều khiển - Hút và xả có thể chỉnh tinh bằng nút nhạy áp - Có đèn báo hiệu giúp người sử dụng biết được đến thời điểm phải sạc Pin - Hút nhanh và xả có thể cài đặt với tốc độ cao nhất: 25ml trong 2.5 giây - Pin Lithium-Ion sạc đầy có thể sử dụng liên tục 4.5 giờ

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
38	<p>Máy đếm khuẩn lạc</p> <p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau</p> <p>Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p> <p>Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy đếm khuẩn lạc, loại điện tử hiện số. Ứng dụng trong ngành vi sinh, sinh học phân tử, phân tích Gene... - Hiện thị 3 chữ số bằng màn hình LED - Thang đếm: 0 ... 999 - Dùng cho đĩa petri có đường kính từ 50 ... 90 mm - Đếm bằng cảm ứng lực, có thể dùng bất kỳ bút đếm nào. - Có 2 nền trắng/đen để phù hợp đếm các loại khuẩn lạc khác nhau. - Báo hiệu âm thanh mỗi lần đếm. - Cổng kết nối máy tính hoặc máy in <p>Dụng cụ đốt que cấy bằng điện</p> <p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau</p> <p>Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p> <p>Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loại ống đường kính trong 20mm, dài 161mm - Thiết bị tiết kiệm bằng điện thích hợp cho các phòng thí nghiệm và tủ an toàn sinh học hặc những nơi không cho phép có ngọn lửa khi vận hành - Buồng đốt 2 lớp, lớp trong bằng sứ chịu nhiệt, lớp ngoài bằng inox. Gia nhiệt bằng điện trở thạch anh - Quá trình tiết kiệm nhanh trong 5-7 giây - Khả năng chính 7 vị trí góc nghiêng
39	

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	- Nguồn điện: 230V/50Hz
40	<p>Máy đếm tế bào CD4</p> <p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau</p> <p>Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>
	<p>Thông số kỹ thuật:</p> <p>1. Đặc tính chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyên lý hoạt động: phân tích dựa trên công nghệ hình ảnh huỳnh quang đa màu và quang phổ hấp thụ - Kết quả phân tích: Xác định được số lượng tuyệt đối tế bào CD4, phần trăm tế bào CD4 và hàm lượng hemoglobin - Hệ thống được điều khiển thông qua phần mềm tích hợp và màn hình cảm ứng trực quan với giao diện chủ yếu là đồ họa giúp đơn giản hóa cài đặt và quy trình làm việc, giảm thiểu rào cản ngôn ngữ - Hệ thống có khay ủ mẫu bên ngoài máy - Phần mềm tự động kiểm tra khả năng đếm chính xác của hệ thống ở các giá trị bình thường và các giá trị thấp với chế độ tự động kiểm tra khi bật nguồn, không cần sử dụng thanh hóa chất kiểm soát chất lượng thiết bị bên ngoài - Hệ thống đã được đánh giá bởi tổ chức WHO <p>2. Hệ thống máy chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước hệ thống máy chính: <ul style="list-style-type: none"> + Cao: ≤28.5 cm + Rộng: ≤25.9 cm + Sâu: ≤25.1 cm - Hệ thống sử dụng mẫu máu toàn phần, sử dụng được từ cả hai nguồn: <ul style="list-style-type: none"> + Mẫu máu lấy từ tĩnh mạch + Mẫu máu lấy từ đầu ngón tay - Năng suất: ≥ 10 mẫu bệnh nhân/giờ

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<ul style="list-style-type: none"> - Trọng lượng: ≤ 6 kg - Nguồn điện sử dụng: 100-240VAC, 50-60HZ, có thể sử dụng pin sạc bằng năng lượng mặt trời hoặc kết nối trên xe ô tô. - Nguồn thiết bị: $\geq 3.3A$, $\geq 18.5 \pm 1$ VDC - Mức tản nhiệt tối đa: ≥ 25 watts - Bảo quản máy: $0^{\circ}C - 50^{\circ}C$ ($32^{\circ}F - 122^{\circ}F$) - Pin khi sạc đầy có thể sử dụng ≥ 6 giờ mà không cần cắm nguồn - Hiện thị thời lượng pin theo màu sắc và đồ họa trên màn hình điều khiển để báo hiệu cho người dùng mức pin còn lại: + Pin đã được sạc đầy + Pin còn nhiều hơn 25% + Pin còn ít hơn 25% + Cảnh báo khi lượng pin còn lại không đủ để chạy hoàn tất một mẫu - Thời gian phân tích một mẫu ≤ 4 phút - Máy có ≥ 10 đồng hồ đếm giờ tích hợp - Có âm thanh báo hiệu khi quá trình đo hoàn tất - Kết quả tự động hiển thị trên màn hình, được in ra và lưu trữ trong bộ nhớ dữ liệu của hệ thống - Máy có lưu trữ ≥ 12000 kết quả - Máy có khả năng tự tắt sau 35 phút không chạy mẫu nếu đang sử dụng pin - Dữ liệu kết quả có thể được in sau đó và chuyển qua các thiết bị lưu trữ thông qua cổng kết nối USB và tải lên hệ thống thông tin phòng xét nghiệm - QC máy: + Người dùng có thể, truy cập thẻ QC để thực hiện: <ul style="list-style-type: none"> • QC thiết bị • QC cho quy trình đếm CD4

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<ul style="list-style-type: none"> • QC cho quy trình đếm HB + Có thể chạy 2 mức QC cho quy trình CD4: CD4 mức thấp (Low) và CD4 mức bình thường (Normal) + Có thể chạy 3 mức QC cho quy trình đo Hemoglobin - Khả năng nâng cấp: Phần mềm của máy có thể được nâng cấp thông qua kết nối với USB - Máy có các video tích hợp hướng dẫn người dùng thực hiện: + Thu thập mẫu máu + Chạy mẫu + Xuất kết quả chạy mẫu + Chạy các quy trình QC thiết bị + Cài đặt ngày giờ, độ sáng màn hình, âm lượng chuông báo, đơn vị cho Hb, tên người vận hành và thông tin các quy trình kiểm soát chất lượng - Bảo trì bảo dưỡng: Không yêu cầu bảo trì bảo dưỡng hàng ngày <p>3. Trạm làm việc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế tách biệt và độc lập với hệ thống máy + Có ≥ 10 vị trí ủ trên khay cho các thanh hóa chất. Mỗi vị trí của thanh hóa chất tương ứng với đồng hồ đếm thời gian tích hợp trên máy. <p>4. Thanh hóa chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ số xét nghiệm: + Số lượng CD4 tuyệt đối + Phần trăm CD4 + Chỉ số hemoglobin - Thanh hóa chất cần tích hợp sẵn tính năng kiểm soát chất lượng - Thanh hóa chất: dùng hóa chất đông khô, sử dụng một lần - Nhiệt độ bảo quản: 4°C – 31°C (39°F - 88°F), độ ẩm 10%-95%

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn sử dụng : ≥ 12 tháng - Nhiệt độ ủ thanh hóa chất (Cartridge): $10^{\circ}\text{C} - 40^{\circ}\text{C}$ ($50^{\circ}\text{F} - 104^{\circ}\text{F}$) - Độ ổn định của thanh hóa chất: ≥ 2 giờ sau khi nhỏ mẫu - Dải đo hợp lệ: + Số lượng CD4: 50-4000 tế bào/ μl + %CD4: 5%-60% + Nồng độ Hb: 2.0-20g/dL
41	<p>Bộ lọc chân không kèm giá</p> <p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau</p> <p>Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>
	<p>Thông số kỹ thuật:</p> <p>Lĩnh vực ứng dụng: lọc vô trùng</p> <p>Đường kính ngoài 15 mm</p> <p>Đường kính bộ lọc: $\varnothing 47\text{mm} / 50\text{mm}$</p> <p>Diện tích lọc : $12,5\text{cm}^2$</p> <p>All-Glass với hỗ trợ bộ lọc Frit thủy tinh</p> <p>Phương thức khử trùng</p> <p>Bảng nồi hấp (tối đa 134°C)</p> <p>Bảng nhiệt khô (tối đa 180°C)</p> <p>Thể tích phễu: 250mL</p>
42	<p>Máy đo pH để bàn</p>

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau</p> <p>Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>
	<p>Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thang đo + pH: -2.00 đến 16.00 pH + ORP: ±399.9 mV; ±2000 mV + Nhiệt độ: -20 đến 120.0°C - Độ phân giải: + pH: 0.01 pH + ORP: 0.1 mV; 1 mV + Nhiệt độ: 0.1°C - Độ chính xác: + pH: ±0.01 pH + ORP: ±0.2 mV (±399.9 mV); ±1 mV (±2000 mV) + Nhiệt độ: ±0.4°C - Nguồn điện: 230V, 50/60Hz - Hiệu chuẩn pH: Tự động, 1 hoặc 2 điểm với 5 giá trị đệm (pH 4.01, 6.86, 7.01, 9.18, 10.01) - Bù nhiệt: Tự động (với HI7662) hoặc bằng tay -20 đến 120°C - Điện cực pH: HI1131B, thân thủy tinh, công kết nối BNC, cấp 1m - Điện cực ORP: Tương thích điện cực ORP có công kết nối BNC (mua riêng) - Điện cực nhiệt độ: HI7662 với cấp 1m - Trở kháng đầu vào: 1012 Ohm

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn điện: Adapter 12 VDC - Môi trường: 0 đến 50°C ; RH max 95% không ngưng tụ - Kích thước: 235 x 222 x 109mm
43	<p>Máy đo quang phổ</p> <p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau</p> <p>Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>
	<p>Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy quang phổ cao cấp nhất dành cho phòng thí nghiệm của hãng Hach, chuyên dụng cho đo các chỉ tiêu nước, phù hợp với các lĩnh vực: thực phẩm, đồ uống, nước thải, nước sạch... - Hơn 250 chương trình các phương pháp phân tích chỉ tiêu nước được cài sẵn, 200 chương trình cài đặt tùy ý dành cho người sử dụng. - Phương pháp đo: độ truyền quang (%), độ hấp thụ (Abs), nồng độ © - Nguồn đèn : Tungsten cho vùng khả kiến và deuterium cho vùng tử ngoại (UV) - Dải bước sóng: 190 - 1100nm - Độ chính xác bước sóng: ± 1 nm - Độ lặp lại bước sóng: < 0.1nm - Độ phân giải bước sóng: 0.1nm - Hiệu chuẩn bước sóng : tự động - Chế độ chọn bước sóng : tự động, dựa trên chương trình phân tích được chọn - Độ rộng khe phổ: 2 nm - Khoảng đo trắc quang: ± 3 Abs - Độ chính xác trắc quang: 5 mAbs % ở 0 - 0.5 Abs và <1% ở 0.5 - 2 Abs ở bước sóng 546nm - Độ tuyến tính quang : 0.5% đến 2Abs, ≤ 1% ở > 2Abs với neutral glass ở bước sóng 546 nm

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<ul style="list-style-type: none"> - Ánh sáng lạc: Dung dịch KI ở 220nm < 3.3Abs / < 0.05% - Điều khiển và hiển thị: màn hình TFT màu, cảm ứng, rộng 7" - Máy lưu được 5000 điểm dữ liệu (kết quả, tên mẫu, tên người sử dụng, ngày tháng, thời gian) - Nhiệt độ môi trường hoạt động: 10 to 40oC, 80%RH - Có chức năng Link2SC hỗ trợ kết nối với hệ thống đo liên tục của hãng Hach (SC1000, SC200,...) - Cổng giao diện: 3 cổng USB, 1 cổng Ethernet - Buồng để mẫu: dạng module, dùng được cho nhiều loại cốc đo khác nhau. <p>Cốc đo vuông: 1 cm, 5 cm, 1",</p> <p>Cốc đo tròn: 13 mm, 16 mm, 1".</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngôn ngữ: Anh, Pháp, Ý, Đức,... - Chuẩn bảo vệ vỏ máy: IP20 - Nguồn dùng: 110-240 VAC; 50/60 Hz - Kích thước: 215 x 500 x 460mm - Trọng lượng: 11kg
44	<p>Máy quang phổ hấp thụ nguyên tử kèm máy tính và máy in</p> <p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau</p> <p>Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>
	<p>Thông số kỹ thuật:</p> <p>1/ Thân máy chính quang phổ hấp thụ nguyên tử (01 bộ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống máy quang phổ hấp thụ nguyên tử hiện đại, thế hệ mới nhất, tự động hoàn toàn cho phân tích vi lượng các kim loại trong các mẫu môi trường, hoá học, đất, nước, được phân, thực phẩm, sinh phẩm - Máy được thiết kế với bộ phận nguyên tử hoá dạng kẹp thiết kế phần cứng có thể chuyển đổi tự động, đơn giản và an toàn hai chế độ ngọn lửa và chế độ lò graphite trên cùng hệ thống thông qua phần mềm

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<ul style="list-style-type: none"> - Cách tử nhiều xạ áp dụng công nghệ tiên tiến nhất hiện nay, sử dụng bộ hệ thống đơn sắc Echell tự chuẩn hóa cho giới hạn phát hiện cực kỳ thấp và ổn định, chính xác trong suốt quá trình phân tích, đồng thời cho phép đo mẫu ở khe đo nhỏ đến 0,1mm - Tháp đèn Cathod rỗng cho 06 đèn với 06 nguồn điện cấp độc lập đảm bảo độ ổn định cao nhất khi phân tích, tự động chuyển đèn cho phép phân tích đơn hoặc đa nguyên tố. Chế độ cân chỉnh đèn tự động - Bộ chính nền hoàn toàn tự động sử dụng phương pháp liên tục bằng đèn Deuterium và hiệu ứng phân cực Zeeman - Hệ thống quang học hai chùm tia (Stockdale) năng lượng cao cho cả chế độ ngọn lửa và lò Zeeman đảm bảo độ ổn định cao nhất của kết quả phân tích - Toàn bộ hệ thống quang được phủ lớp Silica bảo vệ đảm bảo độ bền lâu chống chịu các tác động của môi trường - Đảm bảo hệ thống hiệu chỉnh đường nền luôn hoạt động tốt trong suốt vòng đời của thiết bị - Khoảng sóng: 180 tới 900 nm - Dải đo: - 0,150 tới 3,000 độ hấp thụ (Abs) - Tự động chọn khe đo 4 cấp: 0,1 nm, 0,2 nm, 0,5 nm, 1,0 nm - Độ tán sắc tuyến tính 0,5 nm/mm tại 200 nm - Bước sóng và khe đo được lựa chọn hoàn toàn tự động - Bộ chính nền tới độ hấp thụ 2A, độ chính xác 2%. Tổng tín hiệu tới 3A <p>2/ Hệ thống phân tích ngọn lửa (01 bộ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu đốt (Burner) chế tạo bằng Titanium cho phép kéo dài tuổi thọ và có thể chịu các loại dung môi và hóa chất và các loại ngọn lửa khác nhau. Đầu đốt này làm giảm lượng carbon tạo thành, độ ổn định ngọn lửa cao, có thể đáp ứng tốt cho các ứng dụng với nền mẫu phức tạp như mẫu nhiều muối ... - Điều chỉnh chiều cao đầu đốt hoàn toàn tự động. Điều khiển vị trí ngang và quay đầu đốt - Có khả năng đánh lửa tự động nhờ có dòng điện cường độ cao - Buồng phun, đầu phun (impact bead) bằng vật liệu trơ (fluoroplastic) đảm bảo chống chịu ăn mòn ... - Hệ thống điều khiển dòng khí tự động hoàn toàn hai kênh - Các điều kiện an toàn:

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<ul style="list-style-type: none"> + Tự động đánh lửa bằng điện + Tự động chuyển đổi khí oxy hóa bằng phân mềm + Tự động thay đổi loại khí đốt; tốc độ dòng nhiên liệu, khí oxy hóa được điều khiển bằng phân mềm + Tự động tắt ngọn lửa khi áp suất dòng nhiên liệu nhỏ hơn giới hạn áp suất an toàn + Chống cháy ngược khi đốt + Điều khiển áp suất dòng khí + Đầu dò kiểm soát áp suất dòng khí nhiên liệu và khí oxy hoá + Đầu dò phát hiện sự có mặt của dầu đốt + Đầu dò phát hiện loại dầu đốt + Bảo vệ khi mất nguồn + Kiểm tra đường thải + Bảo vệ quá áp cho buồng phun <p>Các phụ kiện đi kèm hệ thống:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dây khí chuyên dụng cho không khí (01 bộ) - Dây khí chuyên dụng cho Nito oxit (01 bộ) - Dây khí chuyên dụng cho Acetylene (01 bộ) - Đầu đốt tiêu chuẩn đi kèm của hệ thống (01 bộ) - Ống dây hút mẫu và dây thải chuyên dùng (01 bộ) - Màng chống nổ chuyên dụng của hệ thống (01 bộ) - Đầu chặn khí (end-stop) kiểm tra rò rỉ (01 bộ) - Dây thông mẫu chuyên dùng (01 bộ) <p>3/ Bộ hydrid hóa, bay hơi lạnh VP100 (01 bộ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng để phân tích các nguyên tố: As, Se, Ge, Bi, Pb, Te, Sb, Sn và Hg

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<p>Phân tích nhanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích các mẫu điển hình có thể nhỏ hơn 60 giây - Phân tích được các chỉ tiêu: As, Sb, Bs, Cd, Pb, Cr, Cu, Zn, Na, Ni, Se, Hg. <p>Hiệu năng tuyệt vời</p> <ul style="list-style-type: none"> - iCE 3500 với phụ kiện VP100 có thể cung cấp cho bạn giới hạn phát hiện 1 phần tỷ cho hàng loạt nguyên tố dễ bay hơi quan trọng và hóa hơi lạnh như: As, Se, Ge, Bi, Pb, Te, Sb, Sn, và Hg <p>Hoàn toàn tự động</p> <ul style="list-style-type: none"> - VP100 có thể tối ưu hóa chính xác mà người sử dụng cần. Với việc đơn giản, điều khiển bằng phần mềm điều có thể điều chỉnh nhanh để tìm được sự cân bằng hoàn hảo của tốc độ và độ nhạy trong phân tích của bạn - Thân thiện với người sử dụng - Dễ dàng bảo dưỡng - Khí mang: Argon hoặc Nitrogen - Chất khử: Sodium borohydride cho phân tích thủy ngân - Chuyển đổi dung dịch: tốc độ có thể thay đổi được, bơm nhu động 4 kênh sử dụng với nguyên lý dòng liên tục <p>Các phụ kiện đi kèm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 2 T-cells (open ended, silica, chiều dài 120 mm) - Cuvet thủy ngân (chiều dài 150 mm) - Mount for T-cell - Ống bơm - Chai thuốc thử - Hạt thủy tinh - Màng bán thấm <p>Bộ gia nhiệt EC 100 để vận hành bộ hydrid hóa, bay hơi lạnh VP100 (01 bộ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gia nhiệt bằng điện hỗ trợ kỹ thuật hóa hơi phân tích nhanh, cho kết quả ổn định và chính xác nhất, điều khiển hoàn toàn thông qua phần mềm

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<p>4/ Hệ thống phân tích lò graphite và đưa mẫu tự động cho lò (01 bộ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn từ trường cho bộ chính nên Zeeman 0,85 Tesla. Nhiệt độ điều khiển: từ 50 - 3000oC. Tối 20 bước gia nhiệt chương trình. Ngoài chức năng bộ chính nên bảng Zeeman còn có thêm chức năng bộ chính bằng đèn D2 nên bù được một số nhược điểm mà bộ chính Zeeman không làm tốt - Phương pháp điều khiển nhiệt độ: bảng cảm biến quang học hay nguồn dòng cố định. Cho phép lập chương trình nhiệt độ - Điều khiển lưu lượng khí: dòng khí trợ bên trong lò: 0 ml/phút (ngưng khí); 50 ml/phút (dòng nhỏ), 250 ml/phút (dòng cực đại); có thể chuyển sang loại khí khác - Cho phép thiết lập 20 chương trình hoạt động bao gồm chương trình nhiệt độ, loại khí và chương trình dòng, ... - Điều khiển hoàn toàn từ phần mềm, với chức năng camera cho phép quan sát rõ ràng và liên tục hình ảnh mẫu trong lò - Cung cấp thông tin cho từng loại cuvette, lưu giữ thời gian hoạt động thực của mỗi loại - Cho phép bổ chính đường nền bằng đèn Deuterium bốn vạch và bằng phương pháp Zeeman - Đã được cân chỉnh trước đảm bảo gia nhiệt nhanh và chính xác <p>Hệ thống đưa mẫu chuyên dụng cho lò graphaite (cấu hình chuẩn đồng bộ đi cùng với lò graphite) (01 bộ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận đưa mẫu tự động 60 vị trí với các chức năng chuẩn bị mẫu tiêu chuẩn, thay đổi nền mẫu, pha loãng thông minh, ... - Sự phân phối mẫu: phân phối từng mẫu, phân phối tiếp giáp bởi công nghệ tiêm kép - Độ lặp lại tốt hơn 1% - Dung môi có thể sử dụng: các dung môi lỏng, Ethanol, methanol, acetone, MIBK - Hệ thống lấy mẫu loại kim tiêm 100ul - Thể tích lấy mẫu: 1 - 70 ul - Độ chính xác thể tích tiêm: ± 0,5 uL - Thể tích bình chứa thải 1L <p>Hệ thống làm lạnh chuyên dụng ThermoFlex 900 (01 bộ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhiệt độ làm việc tiêu chuẩn: +5oC - 40oC

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<ul style="list-style-type: none"> - Độ ổn định của nhiệt độ $\pm 0,1$oC - Thể tích nước: 7,2 lít - Hệ thống điều khiển tiêu chuẩn biểu thị thông số nhiệt độ và áp suất và cảnh báo khi nhiệt độ và áp suất ngoài khoảng làm việc - Khả năng làm lạnh tiêu chuẩn tại 60Hz tại 20oC là 900 W / 3074 BTU - Khả năng làm lạnh tiêu chuẩn tại 50Hz tại 20oC là 750 W / 2561 BTU - Hệ thống tuần hoàn khép kín, đảm bảo nhiệt độ luôn mát trong quá trình vận hành, nhiệt độ làm việc trong quá trình hoạt động khuyến cáo cài đặt <25oC (nhiệt độ làm việc), hệ thống tuần hoàn liên tục đảm bảo nhiệt độ đúng với nhiệt độ cài đặt <p>Các phụ kiện đi kèm hệ thống:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ cuvette chuẩn để phân tích lò graphite, 08 cái (01 bộ) - Kim hút mẫu chuyên dụng cho hệ thống, 10 cái (01 bộ) - Khay đựng mẫu 60 vị trí (01 bộ) - Lọ mẫu, 100 cái (01 bộ) - Dây dẫn nước cho hệ thống làm lạnh (01 bộ) - Dây dẫn khí cho lò graphite (01 bộ) <p>5/ Phần mềm iCE SOLAAR (01 bộ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần mềm tự động nhận dạng kiểu máy và chương trình hoá các chế độ hoạt động của máy - Phần mềm là công cụ hỗ trợ đầy đủ cho người sử dụng mới theo từng bước, tối ưu hoá các thông số hoạt động của máy, thiết lập phương pháp phân tích, chạy máy phân tích, phân tích kết quả, in ấn kết quả ... - Có thể sử dụng đồng thời với các chương trình khác khi hệ thống đang hoạt động - Lưu trữ tất cả các số liệu, kết quả, thông số hoạt động trong một cơ sở dữ liệu dễ dàng truy cập - Chế độ phân tích đa nguyên tố tới 16 nguyên tố - Chế độ đường chuẩn 10 chuẩn

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ trợ phương pháp thêm chuẩn, đường chuẩn ...; màn hình đồ họa và đường chuẩn - Tự động lọc kết quả và hiển thị dữ liệu yêu cầu; có thể chuyển sang file kí tự; phần mềm cho phép lựa chọn các chương trình tối ưu - Có thể sử dụng nhiều ngôn ngữ: Anh, Pháp, Nhật, Trung Quốc ... - Thư viện các phương pháp đo mẫu tiêu chuẩn, các giao diện thông thường, các phương pháp xử lý khi có vấn đề cho các nguyên tố với các thông số đã tiêu chuẩn hoá (Cookbook) - Chương trình QC tự động, QC Blanks, QC Checks, QC Duplicate, QC Spikes ..., tự động kiểm tra, thông báo, truy cập dữ liệu - Hiển thị hình ảnh trực tiếp của camera cho lò <p>6/ Đèn cathode và dung dịch chuẩn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đèn cathode loại đơn nguyên tố cho các nguyên tố: Zn, Cu, Ni, Cd, Cr, Co, Fe, Pb, Mn, Ca, Mg, K, Na, As, Hg (mỗi loại 1 đèn) - Dung dịch chuẩn loại đơn nguyên tố nồng độ 1000 ppm, 100 ml/chai cho các nguyên tố: Zn, Cu, Ni, Cd, Cr, Co, Fe, Pb, Mn, Ca, Mg, K, Na, As, Hg (mỗi loại 1 chai) <p>7/ Bộ máy tính và máy in</p> <p>Bộ máy tính, cung cấp trong nước cấu hình tối thiểu (01 bộ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ vi xử lý Intel Core i5, 6MB - Bộ nhớ Ram 4GB - Ổ đĩa cứng 500GB - Keyboard + Mouse USB - Giao tiếp USB 2.0, USB 3.0, HDMI, VGA - LCD DELL 21 <p>Máy in HP LaserJet, cung cấp trong nước (01 cái)</p> <ul style="list-style-type: none"> - In trắng đen khổ giấy A4 <p>8/ Bộ phụ kiện đảm bảo hoạt động của hệ thống</p>

STT	<p style="text-align: center;">Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật</p>
45	<p>Máy đo độ đục</p> <p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau</p> <p>Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>
	<p>Thông số kỹ thuật:</p> <p>Nguồn đèn: Light diode</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bước sóng: 565 ± 15 nm - Khoảng đo: 0.3 tới 15.0 McFarland - Độ lệch chuẩn: <ul style="list-style-type: none"> • Ở 0.5 McF: 0.5 ± 0.1 McFarland • Ở 3.0 McF: 3.0 ± 0.1 McFarland • Ở 6.0 McF : 6.0 ± 0.2 McFarland • ≥ 7.5 McF : 7.5 ± 0.2 McFarland - Độ chính xác: ± 3% - Thời gian đo: 1 giây - Đường kính ống:

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<ul style="list-style-type: none"> • Đường kính ngoài: 18 mm • Vòi D-16 adaptor: 16 mm - Thể tích mẫu: ≥ 2 ml - Hiện thị: 2 chữ số LED - Nguồn cung cấp: 12V, 300 mA - Khoảng nhiệt độ môi trường: 4 đến 45 độ C
46	<p>Máy sát nước 2 lần</p> <p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p> <p>Thông số kỹ thuật:</p> <p>Máy sát nước 2 lần tự động hoàn toàn dạng để bàn hoặc áp tường Chất lượng nước đầu ra đạt độ tinh khiết cao không chứa Pyrogen Có tính năng tự động tắt nguồn khi có sự quá dòng hoặc quá nhiệt Có chức năng làm sạch được tích hợp Có cảm biến dòng tự động tắt máy khi phát hiện mực nước giảm Công suất sát nước tối đa: 4 lít/giờ Chất lượng nước chung cát: - Độ pH: Từ 5.0 – 6.5 - Độ dẫn điện: Từ 1.0 – 1.5 $\mu\text{Scm-1}$ - Trở kháng: Từ 0.7 – 1.0 mOhm-cm - Nhiệt độ nước cát: Từ 25 – 35°C Yêu cầu nước cung cấp đầu vào:</p>

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<p>- Lưu lượng: 2 lít/phút - Áp lực nước: 3 – 100 psi Công suất lớn nhất: Tối đa 6kW</p>
47	<p>Máy đo Clo dư tự do cầm tay Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>
	<p>Thông số kỹ thuật: Đo clo dư trong nước sạch và nước ngọt. - Xác định nồng độ từ 0.00 đến 5.00 mg/L (ppm) Cl₂</p>
48	<p>Máy cất nước siêu sạch Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>
	<p>Thông số kỹ thuật: Máy cất nước 2 lần tự động hoàn toàn dạng để bàn hoặc áp tường Chất lượng nước đầu ra đạt độ tinh khiết cao không chứa Pyrogen Có tính năng tự động tắt nguồn khi có sự quá dòng hoặc quá nhiệt Có chức năng làm sạch được tích hợp Có cảm biến dòng tự động tắt máy khi phát hiện mực nước giảm Công suất cất nước tối đa: 4 lít/giờ Chất lượng nước chưng cất:</p>

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
49	<p>- Độ pH: Từ 5.0 – 6.5</p> <p>- Độ dẫn điện: Từ 1.0 – 1.5 $\mu\text{S/cm}$-1</p> <p>- Trở kháng: Từ 0.7 – 1.0 mOhm-cm</p> <p>- Nhiệt độ nước cất: Từ 25 – 35°C</p> <p>Yêu cầu nước cung cấp đầu vào:</p> <p>- Lưu lượng: 2 lít/phút</p> <p>- Áp lực nước: 3 – 100 psi</p> <p>Công suất lớn nhất: Tối đa 6kW</p> <p>Tủ hút hơi khí độc</p> <p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau</p> <p>Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>
50	<p>Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước ngoài (W x D x H): 1200 x 665 x 1025, mm - Màn hình hiển thị LCD - Màu sắc tủ: xám, trắng - Cửa trước bằng polycarbonate dày 8mm. - Vật liệu bên ngoài: SPCC/ AL với lớp sơn phủ Epoxy - Vật liệu buồng tủ: Phenolic laminate 19mm - Sử dụng màng lọc carbon khả năng lọc hiệu quả hơi dung môi hữu cơ và acid - Độ ồn tủ: ≤ 65 dB - Nguồn điện: 110V/220V, 50/60Hz <p>Cân kỹ thuật</p> <p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau</p>

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<p>Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p> <p>Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế nhỏ gọn tiết kiệm diện tích phù hợp cho các phòng thí nghiệm, công nghiệp và giáo dục - Kết quả hiển thị bằng màn hình LCD lớn, độ tương phản cao với đèn nền sáng nên dễ dàng thao tác và quan sát - Mặt đĩa cân bằng thép không gỉ, hộp chân gió tháo lắp dễ dàng - Với khả năng chịu quá tải lên đến 4 lần khả năng của cân - Các chức năng: thước thủy, khóa hiệu chuẩn, khóa vận chuyển, bảo vệ quá tải, hiển thị độ ổn định, hiển thị pin yếu, tự động tắt để tiết kiệm pin... - Khả năng cân: 3200 g - Độ đọc: 0.01 g - Độ lặp lại: 0.02 g - Độ tuyến tính: 0.05 g - Khối lượng hiệu chuẩn: 3000 g - Thời gian ổn định: 2 giây - Kích thước mặt đĩa cân: 190 x 144 mm - Vật liệu chậu: Vô ABS, mặt đĩa cân bằng thép không gỉ - Hiệu chuẩn ngoại - Có chức năng Tare (trừ bì) - Đơn vị cân: g, kg, N, oz, dwt, lb, lb:oz, ct, grain, Tael (Hong Kong), Tael (Singapore), Tael (Taiwan), tical, tola - Ứng dụng cân: Cân, đếm mẫu, tỉ lệ phân trăm trọng lượng, kiểm tra trọng lượng... - Màn hình hiển thị LCD 20mm, đèn nền backlight độ tương phản cao
51	<p>Máy khuấy từ gia nhiệt</p> <p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau</p> <p>Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>
	<p>Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tốc độ khuấy: 100-2000 vòng/phút - Nhiệt độ gia nhiệt: môi trường ... +450 0 C - Công suất gia nhiệt: 500W

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước bề mặt làm việc: 150 x 150 mm - Kích thước bề mặt gia nhiệt: 120 x 120 mm - Thể tích khuấy tối đa: 15 lít - Bề mặt làm việc bằng glass ceramic chống hóa chất ăn mòn - Máy có 2 nút điều khiển: 01 nút điều chỉnh tốc độ khuấy và 01 nút điều chỉnh nhiệt độ.
52	<p>Máy pha chế môi trường</p> <p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>
	<p>Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tích hợp đầu dò nhiệt độ, áp suất - Tự động, có chức năng chống quá áp, quá nhiệt đảm bảo an toàn - Vận hành thông qua màn hình cảm ứng, có thể kết nối máy in - Dung tích: 10L - Độ phân giải: 0.1°C - Lưu trữ tối đa 3 x 20 chương trình do người dùng xác định - Nhiệt độ tiệt trùng: 70 - 122°C - Thời gian tiệt trùng: 1 – 120 phút - Timer: 0 phút – 24 giờ hoặc tự động vận hành - Thời gian phân phối tối đa: 480 phút - Tốc độ khuấy: 45 – 230 vòng/phút - Tổng thời gian quá trình vận hành (từ 40°C → 121°C (tiệt trùng 15 phút) → 55°C): 45 phút khi pha 3L, 65 phút khi pha 9L
53	<p>Nồi hấp tiệt trùng các cỡ</p>

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>
	<p>Thông số kỹ thuật: Nội hấp dạng đứng</p> <p>Vỏ nồi làm bằng thép sơn tĩnh điện, buồng hấp được làm bằng inox 304.</p> <p>Được trang bị bộ điều khiển kỹ thuật số P.I.D Control.</p> <p>Bộ điều khiển Bộ vi xử lý FND & LED Điều khiển có thể lập trình</p> <p>Hệ thống cửa Loại một tay nắm (Vít đơn)</p> <p>Chức năng an toàn: Van áp suất an toàn / Nhiệt độ quá mức. Bảo vệ / Bảo vệ quá áp / Van hơi thủ công / Phương pháp xả làm mát bằng hơi nước / Cầu dao / Cảm biến mực nước / Bảo động bằng còi / v.v.</p> <p>Dung tích: 103 lít</p> <p>Loại thêm nước tự động</p> <p>Thang nhiệt độ làm việc : Môi trường đến 130 °C</p> <p>Kiểm soát nhiệt độ: Pt-100Ω</p> <p>Độ chính xác nhiệt độ: ± 0.5 độ C</p> <p>Áp suất sử dụng 0~1.2kg/cm²</p> <p>Phạm vi áp suất: 0~ 3Kg/ cm²</p> <p>Cài đặt thời gian: 99 giờ 59 phút</p> <p>Kích thước bên trong nồi: đáy Ø 450mm x cao 650mm</p> <p>Kích thước ngoài nồi (WxDxH): 675 x 690 x 1160mm</p> <p>Bộ vi xử lý nhiệt độ LED</p> <p>Công suất: 4kW</p> <p>Nguồn: AC 220V, 60Hz</p>
54	<p>Tủ bảo quản hóa chất</p> <p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>
	<p>Thông số kỹ thuật:</p>

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<p>Kiểu: Tủ mát dạng đứng</p> <p>Thể tích: 390L</p> <p>Nhiệt độ bảo quản: +2°C - +8°C</p> <p>Kiểu làm lạnh: dòng khí cưỡng bức</p> <p>Môi chất: Không CFC</p> <p>Độ ồn: 43 dB</p> <p>Điều khiển: Vi xử lý</p> <p>Màn hình: LED</p> <p>Nguồn điện: 220-240V/50Hz</p> <p>Công suất: 380W</p> <p>Trọng lượng: 116/139 (kg)</p> <p>Kích thước trong (W*D*H): 530 * 555 * 1380mm</p> <p>Kích thước ngoài (W*D*H): 665 * 710 * 1965mm</p> <p>Khóa an toàn: Có khóa an toàn, tránh sự truy cập trái phép</p> <p>Cảnh báo: bảng Âm thanh và hình ảnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cảnh báo lỗi nguồn - Cảnh báo khi nhiệt độ quá ngưỡng - Cảnh báo lỗi sensor - Cảnh báo pin dự phòng hết - Cảnh báo cửa mở
55	<p>Tủ sấy</p> <p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau</p> <p>Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế</p>

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.
	<p>Tính năng kỹ thuật:</p> <p>Phù hợp cho phạm vi nhiệt độ sấy từ 40~ 200°C. Gia nhiệt lên 100°C trong 20 phút.</p> <p>Cửa sổ kính cường lực để theo dõi dễ dàng / Bảng điều khiển nằm trên cùng / Giá đỡ có thể điều chỉnh / Tự động điều chỉnh / Bộ điều khiển trực quan và đơn giản (Chỉ báo kỹ thuật số & đèn LED)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp tuân hoàn khí: Đối lưu cưỡng bức - Nhiệt độ tối đa: 250°C - Khoảng nhiệt độ làm việc: 40 – 200°C - Tốc độ gia nhiệt: 100°C trong 20 phút - Kích thước bên trong (mm): 430x400x470 - Kích thước bên ngoài (mm): 570x705x800 - Thể tích: 80 Lít - Vật liệu bên trong: Thép không rỉ 304 được đánh bóng - Vật liệu bên ngoài: thép SS #41 được phun phủ nhiệt - Bánh xe đẩy: Bánh xe lắp sẵn - Đường kính lỗ thông khí (mm): 40 - Kiểm soát nhiệt độ và thời gian: Vi xử lý với điều khiển P.I.D - Thời gian cài đặt: 00.00 ~ 99 Giờ 59 Phút (hoặc Phút. Giây) - Kiểm soát gia nhiệt: S.S.R - Công suất điện trở: 1.5 KW - Nguồn điện: 220-230V, tối đa 7A - Tính năng bảo vệ: Cầu dao chống rò rỉ điện, quá nhiệt độ. Thiết bị bảo vệ
56	<p>Vòi sen cấp cứu + rửa mắt</p> <p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau</p> <p>Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>
	<p>Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: ống Inox SUS 304, D42mm.

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
57	<p>- Thân và vòi sen tắm: thép không gỉ SUS304</p> <p>Lưu lượng nước vòi sen 80L/min (ở áp lực 0.6MPa).</p> <p>Valve: Van vòi sen hình cầu loại G 1inch, rửa mắt loại G- ½ inch.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lưu lượng nước vòi rửa mắt: 9-12L/min. - Áp suất nước làm việc: 0.2MPa-0.6MPa. - Nguồn nước: dễ dàng cấp nước từ nguồn nước sinh hoạt chung. - Bồn rửa mắt: Đường kính D300mm, Inox không gỉ SUS304 - Kháng hầu hết các loại hoá chất. - Đầu vòi phun rửa mắt: nhựa PP cao cấp kháng hầu hết các loại hoá chất, được tích hợp bộ lọc cặn bằng Inox không gỉ, có nắp đậy chắn bụi tự động mở khi phun nước rửa mắt. <p>Kính Hiển Vi Huỳnh Quang Có Chụp Ảnh</p> <p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau</p> <p>Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>
	<p>Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống quang học: Hiệu chỉnh vô cực - Thân máy: Khôì đồng nhất, cứng chắc, chất liệu không gỉ. Chân đế cho độ ổn định an toàn. - Đầu giữ thị kính: Nghiêng 30 độ, xoay 360 độ và khoảng cách giữa 2 thị kính 48 - 75mm. - Thị kính: Quang trường soi rộng có thể điều chỉnh độ hội tụ đồng bộ 10x/22 mm với bộ phận bảo vệ có thể xếp gập, khóa. - Đầu giữ vật kính: Đầu giữ vật kính với 4 lỗ kết nối vật kính, góc đảo ngược, loại bạc đạn với rãnh cao su đàn hồi - Độ phóng đại: 1000 lần - Vật kính: Các vật kính tiêu sắc RS Series DIN Semi Plan 4x, 10x, 40x (chịu tải bằng lò xo), 100x (chịu tải bằng lò xo, đầu). chống nấm mốc. - Bàn đế mẫu: 2 tầng cơ học, kích thước 200mm x 140mm với dải dịch chuyển X/Y 78 x 54mm. Bề mặt bàn được phủ chất liệu cứng chống trầy xước. - Bộ tu quang: Bộ tu quang Sub Stage Abbe NA 1.25 với các thấu kính không mắt cầu. Màng chắn sáng với các vách khẩu độ. Dịch chuyển bằng thanh răng và bánh răng trên các thanh dẫn kim loại. Bộ lọc xanh dương cho ánh sáng như ánh sáng ban ngày.

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<ul style="list-style-type: none"> - Độ hội tụ: Điều chỉnh độ hội tụ tinh và thô đồng trục trên hệ thống CAM cho chuyên động êm nhẹ. - Nguồn sáng: Halogen 6V - 20W với nút điều chỉnh độ sáng và tuổi thọ đèn 2000 giờ. - Nguồn điện: 100V - 240V AC, 50/60Hz.
58	<p>Đèn cực tím</p> <p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau</p> <p>Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p> <p>Thông số kỹ thuật:</p> <p>Công suất: 2 x 30W.</p> <p>Bước sóng cực tím: 253.7 nm.</p> <p>Công tác dùng riêng từng bóng</p> <p>Bộ cài đặt thời gian 0-120 phút</p> <p>Nguồn vào: 220V-50Hz</p> <p>Điều chỉnh góc nghiêng từ 0 -180 độ</p>
II	Sức khoẻ môi trường - Y tế trường học
59	<p>Máy lấy cao răng</p> <p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau</p> <p>Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p> <p>Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn điện cung cấp: 220-240V ~ 50 / 60Hz 150mA - Đầu vào máy chính: 24V ~1.3A - Tần số rung đầu ra: 28kHz ± 3kHz - Công suất đầu ra: 3W-20W - Cầu chì đơn vị chính: T1.6AL 250V

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<ul style="list-style-type: none"> - Cầu chì nguồn: T0.5AL 250V - Áp suất nước: 0.01Mpa-0.5MPa
III	Các phòng khám
60	<p>Máy siêu âm màu, đầu dò</p> <p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau</p> <p>Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>
	<p>Thông số kỹ thuật:</p> <p>1. Máy chính</p> <p>Hệ thống:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mật độ dòng chế độ 2D: 512 dòng - Số kênh xử lý: 172032 kênh - Dải động toàn hệ thống >266dB - Màn hình phẳng (LED), màu, độ phân giải cao và chế độ quét liên tục (không bị trộn lẫn) với công nghệ chuyển đổi trong mặt phẳng (IPS) - Kích thước màn hình; 21.5 inch - Độ phân giải màn hình: 1920x1080 điểm ảnh - Độ nghiêng màn hình: 15 độ lên trên, 80 độ xuống dưới và xoay ± 80 độ - Hiện thị thông số trên màn hình kiểm soát độ sáng và đèn tác vụ - Góc quan sát: 178 độ - Đèn nền chiếu sáng bàn phím - Độ sáng phím có thể thay đổi biểu thị các chức năng đang hoạt động - Các phím mềm có thể tùy biến để xem nhanh và dễ dàng các menu trên màn hình - Bàn phím QWERTY hỗ trợ gõ nhập văn bản, lập trình các phím chức năng và hệ thống

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ cô tay giúp giảm mỏi cho người sử dụng - Có các loa hiệu suất cao được tích hợp <p>Công nghệ đầu dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số công đầu dò: 4 công đầu dò - Hỗ trợ các đầu nói kiểu DL (260) - Dải tần số: 1,0 đến 20,0 MHz - Lựa chọn đầu dò điện từ (chuyển đổi nhanh giữa các đầu dò) <p>Lưu trữ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá giữ đầu dò: Có thể cấu hình 5 giá giữ đầu dò hỗ trợ tất cả các thiết kế đầu dò và chổchứa chai gel - Giá giữ đầu dò đặc biệt giúp bảo quản an toàn và dễ dàng tiếp cận đầu dò âm đạo - Thanh giữ đầu dò có thể tháo lắp vệ sinh - Ổ cứng nội bộ: 500 GB - Dung lượng lưu trữ ảnh: 300000 ảnh nén <p>Đầu vào/ đầu ra hệ thống:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu ra VGA và DVI - Đầu ra âm thanh bên ngoài - Có cổng S-Video - Hai cổng USB ở phía trước và bốn cổng USB ở bảng điều khiển phía sau <p>2. Chế độ siêu âm:</p> <p>Chế độ 2D:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 2D cơ bản - THI theo pha - THI lọc

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<ul style="list-style-type: none"> - THI luân phiên Doppler màu: - Doppler màu dựa trên vận tốc - Doppler năng lượng - Doppler năng lượng có hướng - M-mode màu - Doppler mô Doppler phổ: - Sóng xung (PW) - Sóng liên tục định hướng (SCW) - Chế độ kép (Duplex) và chế độ ba (Triplex) Chế độ M : - M-mode màu - Theo dõi ECG ở mọi chế độ - M-mode giải phẫu <p>3. Chế độ hiển thị</p> <p>Đặc tính kỹ thuật cho chế độ 2D</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xử lý hoàn toàn bằng kỹ thuật số tín hiệu song song với tốc độ khung hình lên tới 1157 fps(tùy thuộc loại đầu dò) - Chụp ảnh đa tần số MultiHertz: 7 tần số phát người dùng lựa chọn - Lựa chọn Phân giải/Tốc độ: 6 mức - Độ ổn định: 5 mức - Tăng độ nét của cạnh: 4 mức - Lựa chọn dải động: 30 dB đến 90 dB với gia số 3 hoặc 5 dB, phụ thuộc vào ứng dụng

Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật

STT

- Độ khuếch đại: -20 đến +20 dB với gia số 1 dB
 - Công nghệ tối ưu hóa mô động DTO: 4 mức
 - Bù trừ Độ sâu/ Độ khuếch đại: 8 mức điều khiển
 - Cân bằng khuếch đại do người dùng lựa chọn: 9 bản đồ
 - Màu hóa 2D do người dùng lựa chọn: 16 bản đồ
 - Độ sâu hiển thị tối đa: 30 cm
 - Độ sâu hiển thị tối thiểu: 1 cm
 - Các định dạng chia màn hình hiển thị ở chế độ 2D hoặc 2D/màu có thể lựa chọn với chế độ M và/hoặc chế độ Doppler phổ
 - Chia hai màn hình từ chức năng dừng hình
 - 4B- mode: Cho phép hiển thị đồng thời 4 ảnh tĩnh chế độ B
 - Chia tách/Phóng đại
 - Xoay ảnh 90 độ (tất cả các đầu dò tuyến tính)
- Đặc tính kỹ thuật cho Chế độ M**
- Tần số: Tối đa 5 tần số do người dùng lựa chọn, bao gồm cơ bản và hòa âm
 - Tăng cường bờ: 4 lựa chọn
 - Dải động hiển thị: 30 đến 90 dB với bước tăng 5 dB
 - Độ khuếch đại: -20 đến +20 dB với bước tăng 1 dB
 - Bản đồ thang độ xám: 9 bản đồ
 - Bản đồ màu M-mode: 16 bản đồ
 - Tốc độ quét: 8 lựa chọn
 - Chế độ M-mode toàn màn hình, 2D/M-mode
 - Hiển thị hình ảnh: 4 định dạng:

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<ul style="list-style-type: none"> + Trên-dưới: 1/3-2/3, 1/2-1/2, 2/3-1/3 + Bên cạnh Đặc tính kỹ thuật cho Doppler màu vận tốc - Công nghệ đa chùm tia đem lại khả năng xử lý bốn nguồn tín hiệu với tần số khung hình Doppler màu lên đến 188 fps (phụ thuộc vào loại đầu dò) - Tần số phát: Lên tới 3 tần số do người dùng lựa chọn trên mỗi đầu dò - Lái tia trái/ phải trên tất cả các đầu dò tuyến tính - Đảo màu Doppler - Tối ưu hóa trạng thái dòng màu với AutoColor bằng khả năng thiết lập dòng chảy nhanh, vừa và thấp - Bản đồ tốc độ Doppler màu: Tối đa 9 bản đồ do người dùng lựa chọn (7 tốc độ và 2 tốc độ/ biên độ) - Dải vận tốc: $\pm 0,6$ đến $\pm 244,4$ cm/giây- Dải PRF: 100 đến 19500 Hz (phụ thuộc vào loại đầu dò) - Độ khuếch đại: -20 đến 20 dB với gia số 1 dB - Mật độ dòng Doppler màu: 6 lựa chọn - Bộ lọc thành: 4 lựa chọn - Làm mịn màu: 4 mức - Ưu tiên mô/ màu: 5 lựa chọn - Giữ đỉnh: Tắt, 1 giây, 2 giây và 3 giây Đặc tính kỹ thuật cho Doppler năng lượng/ Doppler năng lượng có định hướng - Công nghệ tạo đa chùm tia đem lại khả năng xử lý bốn nguồn tín hiệu với tần số khung hình Doppler màu lên đến 195 fps (tùy vào loại đầu dò) - Lái tia trái/ phải trên tất cả các đầu dò tuyến tính - Tần số phát: Lên đến 3 tần số do người dùng lựa chọn mỗi đầu dò - Bản đồ Doppler Năng lượng: Lên tới 16 bản đồ (8 có hướng và 8 không hướng) - Dải PRF: 100 đến 19500 Hz (phụ thuộc vào loại đầu dò)

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<ul style="list-style-type: none"> - Độ khuếch đại: -20 đến 20 dB với bước tăng 1 dB - Mật độ dòng Doppler Năng lượng: 6 lựa chọn - Bộ lọc thành: 4 lựa chọn - Độ mịn Doppler Năng lượng: 4 mức - Ưu tiên Doppler Mô/ Năng lượng: 5 lựa chọn - Độ ổn định màu: 5 mức <p>Đặc tính kỹ thuật cho Doppler xung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tần số phát: Tối đa 3 tần số do người dùng lựa chọn trên mỗi đầu dò - Tốc độ quét: 8 lựa chọn - Bản đồ thang độ xám hậu xử lý: 8 bản đồ - Bản đồ màu hóa Doppler: 12 bản đồ do người dùng lựa chọn - Độ khuếch đại: 0 đến 80 dB với gia số 1 dB - Dải PRF: 100 đến 19500 Hz - Phạm vi tốc độ: $\pm 1,5$ đến ± 350 cm/giây với độ hiệu chỉnh góc 0 độ - Khả năng hiệu chỉnh góc: 0 đến 89 độ với gia số 1 độ - Kích thước công: 1,0 đến 20 mm - Bộ lọc thành: 25 đến 3906 Hz, 8 bước (phụ thuộc vào loại đầu dò)- Dịch chuyển đường nền: 17 mức- Đảo phỏ- Chức năng tự động bao viền Autotrace <p>Đặc tính kỹ thuật cho Doppler lái tia liên tục</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tần số truyền: 1 tần số - Tốc độ quét: 8 lựa chọn - Bản đồ thang độ xám hậu xử lý: 8 bản đồ - Màu hóa Doppler: 12 bản đồ

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<ul style="list-style-type: none"> - Độ khuếch đại: 0 đến 80 dB với bước tăng 1 dB - Dải PRF: 1,56 đến 34,7 kHz tốc độ mẫu - Phạm vi tốc độ: ± 30 đến ± 650 cm/giây với độ hiệu chỉnh góc 0 độ - Khả năng lọc chuyển động thành: 25 đến 6944 Hz, 8 bước (phụ thuộc vào loại đầu dò) - Dịch chuyển đường nền: 17 mức - Đảo phỏ
	<p>4. Gói phần mềm tăng cường chất lượng hình ảnh:</p> <p>Công nghệ tăng cường tương phản mô Dynamic TCE</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ tăng cường tương phản mô TCE là một phương pháp xử lý độc quyền, tiên tiến để giảm nhiễu đốm nhỏ - Tương thích với các chế độ chụp ảnh nâng cao khác bao gồm kết hợp SieClear Nâng cao, THI, và công nghệ TGO - Hỗ trợ tất cả các loại thăm khám sơ cấp và thứ cấp - Có sẵn ba cấp độ: Thấp, Trung bình và Cao
	<p>Công nghệ tối ưu hóa thang xám TGO</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tối ưu hóa thang xám bằng một nút nhấn - Tự động điều chỉnh độ sáng hình ảnh theo loại mô được chụp, cân bằng thang xám tổng thể - Được sử dụng với mọi đầu dò, mọi thăm khám, mọi tần số chụp, bao gồm THI
	<p>Kết hợp không gian SieClear</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng độ phân giải tương phản và cải thiện khả năng phân biệt mô của các tổn thương có độ tương phản thấp bằng cách giảm đốm ảnh - Ranh giới của mô và các giao diện xuất hiện sắc nét hơn và liên tục hơn
	<p>Kết hợp không gian đa hướng SieClear nâng cao</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết hợp các công nghệ này cung cấp các cải thiện tuyệt vời trong việc xác định ranh giới - Có sẵn đến 7 góc điều hướng trên đầu dò tuyến tính, 5 góc điều hướng trên đầu dò mảng cong

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<p>- Hỗ trợ tất cả các loại thăm khám sơ cấp và thứ cấp*</p> <p>Doppler mô DTI</p> <p>- Hỗ trợ cả hai chức năng DTI màu và DTI phổ và định lượng</p> <p>- Cho phép đánh giá chức năng tâm trương thất trái bao gồm: Doppler mô phổ, Doppler mô năng lượng, Doppler mô M-mode màu</p> <p>*Kết nối DICOM 3.0</p> <p>- Cho phép truyền dữ liệu kỹ thuật số thông qua một mạng DICOM dùng cho cả in ấn và lưu trữ</p> <p>- Kết nối với hệ thống PACS để lưu tất cả hình ảnh kỹ thuật số và clip động với dữ liệu bệnh nhân</p> <p>- Lưu trữ trong suốt quá trình thăm khám- In ảnh bằng máy in màu DICOM và máy in đen trắng</p> <p>- Bảo đảm lưu trữ DICOM</p> <p>- Chuyển đổi xuất media DICOM sang DVD-R/RW và CD-R/RW</p> <p>- DICOM hiệu chỉnh vùng</p> <p>- Phần mềm xem tập tin trao đổi DICOM SHOWCASE®</p> <p>- Cơ sở dữ liệu phương tiện trao đổi, xác định CD được in nghiên cứu về bệnh nhân</p> <p>* Bảo vệ hệ thống siêu âm – Chống virus</p> <p>Giải pháp chống virus tích hợp, giúp bảo vệ hệ thống trước những nguy cơ nâng cao đại đẳng, virus, malware và các phần mềm thực hiện bằng cách phát hiện và ngăn bất kỳ thay đổi không mong muốn nào để nâng cao tính tuân thủ và bảo mật CNTT.</p> <p>5. Các phép phân đo và phân tích</p> <p><i>Đo lường trong chế độ 2D:</i></p> <p>- Đo đặc khoảng cách</p> <p>- Đo đặc khoảng cách từ bề mặt da</p> <p>- Đo đặc góc</p> <p>- Đo diện tích và chu vi: Hình elip và đường viền</p>

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<ul style="list-style-type: none"> - Thể tích: cài đặt do người dùng lựa chọn theo 1 khoảng cách, 2 khoảng cách, 3 khoảng cách hoặc 1 elip và 1 khoảng cách - Thể tích dòng: 1 vận tốc và 1 khoảng cách, hoặc 1 vận tốc và 1 elip - Độ hẹp: cài đặt cho người dùng lựa chọn được tính toán bằng 2 e-lip, hoặc 2 số đo khoảng cách <p><i>Đo lường trong sản khoa:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Các phép đo tuổi thai sớm (GA): Tối thiểu gồm MSD, CRL, và Yolk Sac - Các nhãn thông số tuổi thai là: MSD, CRL, BPD, OFD, HC, AC, ATD, ASD, FL, HL, UL, TL, FT, FTA và BN - 10 nhãn đo do người dùng xác định - Các phép tính bao gồm: EFW từ tham khảo được lựa chọn: HC/AC, TCD/AC, LVW/HW, CorBPD, FL/AC, FL/BPD, CI, AFI, AXT - Các phép đo và phép tính tim thai toàn diện- Góc mặt: đo độ mờ da gáy và nếp gấp da gáy - Tính toán tuổi thai (GA) và ngày dự kiến sinh (EDC) - Báo cáo bệnh nhân đầu Thai kỳ và sản khoa tiêu chuẩn các bảng tính để thể hiện tiến trình phát triển và chỉnh sửa được trong quá trình thăm khám - Tính năng báo cáo đa thai: Tối đa 4 thai - Biểu đồ phân tích tăng trưởng liên kết với file thăm khám - Báo cáo chi tiết về tim thai <p><i>Đo lường trong phụ khoa:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính toán thể tích tiểu tiện và thể tích còn lại - Cung cấp phép đo tử cung, buồng trứng phải và trái, nang phải và trái, CRL, MSD, GS và noãn hoàng - Đo Nang trứng hỗ trợ lên đến 15 nang - Hỗ trợ các công thức đo đặc nang trứng: <ul style="list-style-type: none"> + Khoảng cách M + 2 khoảng cách + Trung bình + 3 khoảng cách + Trung bình

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<ul style="list-style-type: none"> + Trung bình 2 Khoảng cách + Trung bình 3 Khoảng cách + Diện tích + Thể tích + Chu vi <p><i>Đo lường trong siêu âm tim:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Các thước đo tiêu chuẩn cho người lớn - Các công thức thể tích để đánh giá chức năng thất trái ở chế độ 2D và M-mode - Tính toán trong các chế độ 2D, M-mode và Doppler - Các phép đo Độ dốc ở M-mode, Nhịp tim, Thời gian và Khoảng cách - Đo đặc gia tốc Doppler phổ, bao viên phổi, nhịp tim, thời gian và vận tốc - Báo cáo và bảng dữ liệu về bệnh nhân tim cho chế độ 2D, M-mode và Doppler phổ <p><i>Đo lường trong mạch máu não:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đo động mạch cảnh chung (CCA) đoạn gần, giữa, xa. Động mạch cảnh trong (ICA) đoạn gần, giữa, xa. Động mạch cảnh ngoài (ECA) và động mạch đốt sống (VA) - Đo đặc phần trăm độ hẹp theo diện tích và đường kính <p><i>Đo lường trong tuyến giáp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đo đặc thùy phải, thùy trái, eo giáp và nốt (tổn thương) - Hỗ trợ đo đặc lên đến 15 nốt - Các phép đo có thể hiển thị 3 phép đo cộng với tính toán thể tích <p><i>Đo lường trong siêu âm niệu khoa:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính toán thể tích trước và sau khi tiêu, thể tích Tuyến tiền liệt, PSAD và thể tích tiêu - Bao gồm các chương trình báo cáo tuyến tiền liệt và hệ niệu

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<p><i>Đo lường trong cấp cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - FAST – Báo cáo tập trung đánh giá với siêu âm chấn thương - Động mạch chủ: Đo động mạch chủ thiết yếu và báo cáo để hỗ trợ cấp cứu - Sản khoa - Tập hợp con của các phép đo và báo cáo Sản khoa cần thiết <p><i>Đo lường trong chấn thương chính hình:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đo đặc góc khớp háng trái và phải - Phân loại theo Graf - Báo cáo góc khớp háng bệnh nhân <p><i>Đo lường trong siêu âm xuyên sọ TCD:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đo đặc RMCA, ICA-Siphon, ACA-A1, ACA-A2, ACoA, PCAP1, PCA-P2, PCoA, PCA, Basilar A và Vert A <p>6. Đầu dò:</p> <p>Đầu dò convex CH5-2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu dò đa tần dải rộng, ứng dụng cho thăm khám ổ bụng tổng quát, sản phụ khoa... - Dải tần số: 1,4 đến 5,0 MHz - Số chấn tử đầu dò: 128 - Trường nh□n tối đa: 68 độ - Độ sâu hiển thị tối đa: 300 mm <p>Đầu dò linear đa tần số L10-5v</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu dò đa tần dải rộng, ứng dụng cho thăm khám vú, mạch máu, cơ xương khớp, cấp cứu, bộ phận nhỏ... - Dải tần số: 5,0 đến 12 MHz - Số chấn tử đầu dò: 128 - Độ sâu hiển thị tối đa: 100 mm <p>Đầu dò tìm đa tần số P4-2</p>

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<p>- Đầu dò đa tần dải rộng, ứng dụng cho thăm khám tim- Dải tần số: 1,3 đến 4,4 MHz- Số chân từ đầu dò: 64- Trường nh □ n tối đa: 88 độ- Độ sâu hiển thị tối đa: 300 mm</p> <p>Đầu dò âm đạo đa tần số 10MC3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu dò đa tần dải rộng, ứng dụng cho thăm khám sản khoa, phụ khoa... - Dải tần số: 3,3 đến 10,3 MHz - Số chân từ đầu dò: 128 - Trường nhìn tối đa: 130 độ - Độ sâu hiển thị tối đa: 140 mm <p>7. Máy in nhiệt đen trắng Sony</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ: in nhiệt - Tốc độ in: xấp xỉ 1,9 giây/ảnh - Độ phân giải: 325 dpi - Khổ giấy in: 110mm - Công giao tiếp USB
61	<p>Máy điện tim</p> <p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau</p> <p>Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>
	<p>Thông số kỹ thuật:</p> <p>1. Thu tín hiệu điện tim (ECG acquisition)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu điện cực: 12 đầu - Độ nhạy: 10 mm/mV±2% - Chuẩn độ điện thế: 10 mm/mV±2% - Điện trở vào: ≥ 20 MΩ

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ số lọc nhiễu: ≥ 100 dB - Chuyển đổi tín hiệu số: 20 μV/LSB, 16 bit - Tần số đáp ứng: 0,05 Hz đến 150 Hz (-3 dB) (bộ lọc trôi: tắt, lọc cao tần: 150 Hz) - Kiểm tra điện cực: Mỗi điện cực (trừ điện cực N) - Thời gian thu thập tín hiệu ECG là 10 - 24 giây <p>2. Xử lý tín hiệu (Signal Processing)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ lấy mẫu phân tích: 500 mẫu/ giây - Tỷ lệ thu thập mẫu: 8000 mẫu/ giây - Bộ lọc nhiễu AC: 50/60 Hz - Bộ lọc ức chế EMG: 25, 35 Hz - Hằng số thời gian: $\geq 3,2$ s - Bộ lọc nhiễu cao (High cut): 75, 100, 150 Hz - Phát hiện trạng thái sóng: tuột điện cực (điện thế phân cực), nhiễu (cao tần) - Điện thế phát hiện nhỏ nhất: ≤ 20 μVp-p - Bộ lọc chống trôi: yếu: 0,1 Hz (-20 db), mạnh: 0,1 Hz (-34 db) <p>3. Màn hình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màn hình: màu LCD, kích thước 5,7 inch. - Độ phân giải: 320 x 240 chấm - Hiện thị: 12 dạng sóng ECG, thông tin của bệnh nhân, cài đặt ghi, chế độ hoạt động, nhịp tim, phức hợp đồng bộ QRS, CAL mark, thông tin về lỗi vận hành, nhiễu, điện cực bị rớt. <p>4. Máy ghi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xử lý in: đầu in nhiệt độ có độ phân giải cao - Mật độ in: 200dpi (8 dots/mm), 320 dot/mm2 (25mm/s), chiều ngang: 40 dots/mm (25 mm/s), chiều dọc: 8 dots/mm - Khổ giấy: 110 mm - Số kênh: 3, 4, 6

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<ul style="list-style-type: none"> - Tốc độ giấy: 10; 12,5; 25; 50mm/ giây - Số đường ghi: lên tới 26 - Độ nhạy: 5, 10, 20 mm/mV - In lưới: Có sẵn - Thông số ghi: loại chương trình ghi, phiên bản, ngày và thời gian, tốc độ giấy, bộ lọc, tên bệnh viện, thông tin bệnh nhân (số ID, tên, tuổi, giới tính), đánh dấu thời gian, đánh dấu kết quả phân tích, báo tiếp xúc mắc điện cực. - Loại giấy ghi: dài 20 m, 14 cm/trang <p>5. Chương trình phân tích kết quả ECG</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuổi bệnh nhân phân tích: 3 tuổi đến người lớn - Thời gian phân tích: 5 giây - Mục tìm ra kết quả điện tim: khoảng 200 - Mục phân tích kết quả: 5 <p>6. Các thông số kỹ thuật khác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Pin sạc 12V, hoạt động khoảng 60 phút (khi pin sạc đầy), thời gian sạc đầy là 10 giờ <p>7. Cổng giao tiếp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu vào ngoài/ Kết nối ngoài CRO: 1 cổng - Cổng giao tiếp USB type A: 1 cổng <p>Khe cắm thẻ SD: 1 cổng (cho thẻ nhớ SD hoặc card LAN không dây SD)</p>
62	<p>Giờng khám phụ khoa</p> <p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau</p> <p>Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>
	<p>Thông số kỹ thuật:</p> <p>Kích thước bàn: Dài 1.285mm x Rộng 615mmx Cao (540-1300mm)</p>

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm/thông số kỹ thuật
	<p>Chiều cao điều chỉnh tối thiểu: 540mm</p> <p>Chiều cao điều chỉnh tối đa: 1300mm</p> <p>Hệ thống: Hệ thống điện - thủy lực. Chức năng tự động</p> <p>Điều chỉnh phản ngòi: Nâng 0 độ đến 30 độ</p> <p>Điều chỉnh phần lưng: Hạ 20 độ, nâng 50 độ</p> <p>Trendelen bưng: 10 độ</p>

2. Trang thiết bị dụng cụ y tế

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm	Thông số kỹ thuật
1	<p>Giá hoặc bàn để lòng nuôi, Khay nuôi bọ gậy, có dụng cụ chống kiến</p> <p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau</p> <p>Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	<p>Dây bàn có thể được hợp thành từ nhiều modul bàn thí nghiệm 1200x750x800mm ghép thành (Chiều dài dây bàn có thể thay đổi theo kích thước phòng)</p> <p>Mặt bàn (Worktop):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu nhựa Phenolic resin HPL BestLab®, dày 16 mm, loại chuyên dùng cho phòng thí nghiệm, được nhập khẩu từ Maica -Malaysia - Vật liệu Phenolic resin HPL BestLab® với lớp Laminat có bản chất đồng nhất, hoàn toàn phẳng, không có khe, lỗ nhỏ tránh bị thấm bất kỳ một loại dung dịch nào, không cháy, không thấm axit, bazơ, không hút âm hoặc bị tác dụng bởi hoá chất, chất ăn mòn. Chống bám vi sinh trên bề mặt, không cho vi sinh phát triển. - Hệ thống mặt bàn liên tục được lắp ghép từ các tấm 3600x1500 mm

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm	Thông số kỹ thuật
		<p>-Mặt bàn không có gờ, bo cạnh vát 2mm bằng máy, giúp cạnh mài nhẵn bóng như mặt bàn.</p> <p>Khung bàn (Frame):</p> <p>-Khung thép mạ màu 2 mặt, giúp chống ăn mòn từ bên trong, 30 x 60 x 1.4 mm sơn tĩnh điện màu xám, kiểu C-Frame chịu được tải trọng 200kg/modul.</p> <p>-Kết cấu bởi các đầu ghép công nghiệp</p> <p>-Đầu bịt khung bằng nắp chuyên dụng</p> <p>-Chân đế bằng inox có thể điều chỉnh thẳng bằng</p> <p>Hộc tủ (Cabinets):</p> <p>- Dạng tủ treo, mỗi modul 1,2m thiết kế 01 ngăn kéo + 01 cánh tủ</p> <p>-Ngăn kéo và hộc tủ bằng ván MRMFC V313 chống ẩm, viền PVC cùng màu</p> <p>Tay nắm (handles)</p> <p>-Tay nắm nhựa PVC.</p> <p>Bản lề (hinges)</p> <p>- Bản lề giảm chấn</p> <p>Ổ cắm điện (Sockets)</p> <p>-Ổ cắm điện MPE đôi 3 chấu</p> <p>-Được lắp trên kệ hóa chất với hệ thống dây điện 3.0, bao gồm dây nối đất chuyên dụng, màu dây được phân biệt rõ ràng.</p>
2	<p>Lồng nuôi muỗi bằng vải tuyền trắng khung inox</p> <p>Năm sản xuất: 2023 trở về sau</p> <p>Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ</p>	<p>Kích thước 3x2x2m</p> <p>Chất liệu: Lưới thép, lồng lưới chống đê bậy khi nuôi ruồi lính đen lấy trứng</p> <p>Mùng đã may sẵn cửa và các móc dây để cột</p>

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm	Thông số kỹ thuật
	quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.	
3	<p>Nhiệt âm kế Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	Nhiệt âm kế
4	<p>Bẫy bắt muỗi Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	Chất liệu Sơn cách điện Phạm vi 100-150m ² Điện áp máy 220V 50Hz Bóng đèn 2 x 20w bóng FSL Quy cách 66 x 31 x 10cm
5	<p>Tủ Y tế Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	Kích thước tủ : 800x400x1600 (mm) (DxRxX) Mặt dựng bằng Inox dày 0,4 – 0,5mm Kết cấu tủ thuốc chia làm 2 phần Phần trên có 3 ngăn đựng dụng cụ và thuốc Mặt đứng gồm có 2 cánh cửa kèm theo ổ khóa và tay nắm Mặt hông tủ làm bằng Inox Mặt sau làm bằng Inox tấm dày 0,4mm Phần dưới gồm có 2 ngăn Phía dưới có 2 cánh cửa gồm ổ khóa và tay nắm

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm	Thông số kỹ thuật
6	<p>Bình Rửa mắt Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	<p>Bình rửa mắt khăn cấp di động 5 lít</p>
7	<p>Vợt muối Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	<p>Vợt muối điện</p>
8	<p>Khay nuôi bọt gây nhựa trắng Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	<p>Kích thước (DxRxC): 63 x 46 x 37.5 cm Chất liệu: Nhựa PP 100% nguyên chất Tuổi thọ sản phẩm cao, khả năng chống lão hóa tốt. Thùng có thể chứa khối lượng đồ vật lớn Thiết kế có nắp đậy và chốt khóa bảo vệ Có tay cầm vững chắc giúp vận chuyển dễ dàng, thuận tiện Có khả năng giữ nhiệt cao (nếu yêu cầu giữ lạnh) Thùng dễ dàng lau chùi, rửa</p>
9	<p>Lọ nhựa Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	<p>Kích thước 13cm, 100ml</p>

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm	Thông số kỹ thuật
10	<p>Tuýp bắt muỗi thùng hai đầu Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	Vợt bắt côn trùng
11	<p>Đĩa Petri đường kính 10cm Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	Đĩa Petri đường kính 10cm Vật liệu: Nhựa
12	<p>Pipét pasteur 1ml Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	Pipét pasteur 1ml
13	<p>Kẹp cố định chuột/gà bằng lưới thép Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Mouse Fix Size (mm): $ø31 \times 20$ (minimize) – 80 (maximum) - Thiết kế chắc chắn, giúp bạn thao tác thí nghiệm với chuột dễ dàng hơn. - Độ cao lồng vừa với đầu chuột, vì vậy giúp giữ chuột an toàn
14	<p>Gáo nhựa dung tích 2 lít Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất</p>	Gáo nhựa dung tích 2 lít

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm	Thông số kỹ thuật
	<p>lượng của hà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	
15	<p>Cân thăng bằng Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của hà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	Cân thăng bằng
16	<p>Panh y tế 18cm Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của hà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	Panh y tế 18cm
17	<p>Nút cao su số 7 Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của hà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	Nút cao su số 7
18	<p>Giá đựng lam kính Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của hà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	Giá đựng lam kính

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm	Thông số kỹ thuật
19	<p>Pipet pasteur 3ml Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	Pipet pasteur 3ml
20	<p>Đũa thủy tinh Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	Đũa thủy tinh
21	<p>Cốc có mỏ chia vạch 100 ml Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	Cốc có mỏ chia vạch 100 ml
22	<p>Cốc có mỏ chia vạch 250 ml Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	Cốc có mỏ chia vạch 250 ml

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm	Thông số kỹ thuật
23	<p>Cốc có mỏ chia vạch 600 ml Năm sản xuất: 2023 trở về sau</p> <p>Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	Cốc có mỏ chia vạch 600 ml
24	<p>Cốc có mỏ chia vạch 1000 ml Năm sản xuất: 2023 trở về sau</p> <p>Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	Cốc có mỏ chia vạch 1000 ml
25	<p>Bình bơm Hansen Năm sản xuất: 2023 trở về sau</p> <p>Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	Dung tích sử dụng: 18 lít Trọng lượng tịnh: 3.3kg Kích thước- 18x39x54
26	<p>Túi Sơ cấp cứu loại C Năm sản xuất: 2023 trở về sau</p> <p>Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	Bảng dính: 04 cuộn - Bảng kích thước 5 x 200 cm: 06 cuộn - Bảng kích thước 10 x 200 cm: 06 cuộn - Bảng kích thước 15 x 200 cm: 04 cuộn - Bảng tam giác: 06 cái - Bảng chun: 06 cái - Gạc thấm nước (10 miếng/ gói): 04 gói - Bông hút nước: 10 gói - Gạc cao su cỡ 6 x 100 cm: 04 cái

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm	Thông số kỹ thuật
		<ul style="list-style-type: none"> - Garo cao su cỡ 4 x 100 cm: 04 cái - Kéo cắt băng: 01 cái - Panh không máu thẳng kích thước 16-18 cm: 02 cái - Panh không máu cong kích thước 16-18 cm: 02 cái - Găng tay khám bệnh: 20 đôi - Mặt nạ phòng độc thích hợp: 02 cái - Nước muối sinh lý NaCl 9% (lọ 500ml): 06 lọ - Dung dịch sát trùng: 02 lọ còn 70 độ, 02 lọ dung dịch Betadine - Kim băng an toàn: 30 cái - Tấm lót nilon không thấm nước: 06 cái - Phác đồ sơ cứu: 01 cái - Kính bảo vệ mắt: 06 cái - Phiếu ghi danh mục trang thiết bị có trong túi: 01 cái - Nẹp cổ: 2 cái, nẹp cánh tay: 02 bộ, nẹp cẳng tay: 01 bộ, nẹp đùi 02 bộ, nẹp cẳng chân: 02 bộ
27	<p>Bộ dụng cụ khám phụ khoa Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	<ul style="list-style-type: none"> 1. Banh mổ vệt GRAVE, cỡ nhỏ, kích thước 75x20mm: 02 cái (Mã hàng: 55.0030) 2. Banh mổ vệt GRAVE, cỡ trung, kích thước 95x30mm: 02 cái (Mã hàng: 55.0031) 3. an âm đạo KRISTELLER, kích thước 110x20mm: 02 cái (Mã hàng: 55.0350) 4. Kẹp gấp bông băng BALLENGER, thẳng, dài 20cm, ngâm rãng cưa: 02 cái (Mã hàng: 16.0408) 5. Kẹp cầm máu RANKIN-CRILE, thẳng, dài 16 cm: 02 cái (Mã hàng: 15.0250) 6. Kéo phẫu thuật, đầu cong, mũi nhọn/nhọn, dài 16.5 cm: 02

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm	Thông số kỹ thuật
		<p>cái (Mã hàng: 13.0339)</p> <p>7. Khay quả đậu, kích thước 250x39 mm: 01 cái (Mã hàng: 80.2102)</p> <p>8. Thước đo cổ tử cung SIMS, dài 32 cm: 01 cái (Mã hàng: 55.1001)</p> <p>9. Thước đo khung chậu MARTIN, dài 34 cm: 02 cái (Mã hàng: 56.0010)</p> <p>10. Móc vòng IUD, dài 26 cm, có thể uốn dẻo: 02 cái (Mã hàng: 55.1565)</p> <p>11. Kẹp cổ tử cung POZZI, dài 25 cm: 02 cái (Mã hàng: 55.0942)</p> <p>12. Kẹp cầm máu RANKIN-CRILE, thẳng, dài 16 cm: 04 cái (Mã hàng: 15.0250)</p> <p>13. Hộp đựng dụng cụ tiết trùng, kích thước 300x140x40 mm, có nắp đậy màu bạc: 01 cái (Mã hàng: 80.7301)</p> <p>14. Thước dây, dài 1.5m: 01 cái (Mã hàng: 10.0350)</p> <p>15. Ống nghe tim thai PINARD, bằng nhôm: 02 cái (Mã hàng: 10.0400)</p> <p>16. Kéo phẫu thuật, dài 14.5 cm, mũi nhọn/ nhọn: 01 cái (Mã hàng: 13.0334)</p>
28	<p>Xe tiêm Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	<p>Chất liệu: nhựa ABS và nhôm chịu lực</p> <p>Ngăn kéo: 05 ngăn (1 nhỏ, 2 trung bình, 2 lớn)</p> <p>Có khóa tổng</p> <p>Có bộ chia ngăn, chia ô thuốc</p> <p>Được trang bị 02 thùng rác với màu khác nhau để phân biệt rác</p> <p>Được trang bị 01 bình hủy kim</p>

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm	Thông số kỹ thuật
		Màu sắc: đỏ và xám Kích thước: 750*475*950mm (Dài * Sâu* Cao)
29	<p>Cây dịch truyền Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	Kích thước 60x30x2000 cm
30	<p>Bút đo pH cầm tay Nước sản xuất: Singapore Hàng hóa mới 100%, năm sản xuất 2022 trở về sau</p>	Bút đo pH cầm tay
31	<p>Ổng đong định mức 500ml Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	Ổng đong định mức 500ml
32	<p>Ổng đong định mức 100ml Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	Ổng đong định mức 100ml

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm	Thông số kỹ thuật
33	<p>Ống đong định mức 10ml Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	<p>Ống đong định mức 10ml</p>
34	<p>Bếp hồng ngoại <i>Model: MSI100 (HP100)</i> Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bếp gia nhiệt dùng cho phòng thí nghiệm sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 9001, dầu chất lượng CE - Bề mặt gia nhiệt bọc ceramic kháng hóa chất, chịu nhiệt, chống ăn mòn - Nhiệt độ tối đa: 380oC - Công suất: 680W - Kích thước bề mặt gia nhiệt: 180x180mm
35	<p>Micropipet 0,5-5 ml Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể điều chỉnh thay đổi thể tích - Sử dụng chỉ với một tay, cài đặt thể tích dễ dàng và chính xác. - Móc ngón tay tiện dụng để cầm thoải mái và giảm lực tay. - Bộ phận nhả đầu tip lớn, được mã hóa màu để dễ dàng xác định thể tích. - Vật liệu bền bằng PP / PVDFI, nhôm anodized, thân và lò xo bằng thép không gỉ. - Đảm bảo hấp tiệt trùng mà không phải hiệu chuẩn lại. - Núm điều chỉnh thể tích và thân chính có thể được hấp tiệt trùng hoàn toàn ở 121°C, 0,1 MPa, 20 phút

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm	Thông số kỹ thuật
36	<p>Micropipet 1-10 ml Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	<p>Thông số kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thể điều chỉnh thay đổi thể tích - Sử dụng chỉ với một tay, cài đặt thể tích dễ dàng và chính xác. - Móc ngón tay tiện dụng để cầm thoải mái và giảm lực tay. - Bộ phận nhà đầu tip lớn, được mã hóa màu để dễ dàng xác định thể tích. - Vật liệu bên bằng PP / PVDFI, nhôm anodized, thân và lò xo bằng thép không gỉ. - Đảm bảo hấp tiệt trùng mà không phải hiệu chuẩn lại. - Núm điều chỉnh thể tích và thân chính có thể được hấp tiệt trùng hoàn toàn ở 121°C, 0,1 MPa, 20 phút.
37	<p>Bình cầu 1000ml Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	<p>Bình cầu 1000ml</p>
38	<p>Bình cầu 500ml Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	<p>Bình cầu 500ml</p>
39	<p>Cốc có mỏ 1000ml Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ</p>	<p>Cốc có mỏ 1000ml</p>

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm	Thông số kỹ thuật
	<p>quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	
40	<p>Cốc có mỏ 600ml Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	Cốc có mỏ 600ml
41	<p>Cốc có mỏ 250ml Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	Cốc có mỏ 250ml
42	<p>Cốc có mỏ 100ml Hãng sản xuất: <i>Normax</i> Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	Cốc có mỏ 100ml

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm	Thông số kỹ thuật
43	<p>Cốc có mỏ 50ml Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	Cốc có mỏ 50ml
44	<p>Cốc có mỏ 25ml Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	Cốc có mỏ 25ml
45	<p>Pipette 10-100 Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể điều chỉnh thay đổi thể tích - Sử dụng chỉ với một tay, cài đặt thể tích dễ dàng và chính xác. - Móc ngón tay tiện dụng để cầm thoải mái và giảm lực tay. - Bộ phận nhả đầu tip lớn, được mã hóa màu để dễ dàng xác định thể tích. - Vật liệu bên bằng PP / PVDFI, nhôm anodized, thân và lò xo bằng thép không gỉ. - Đảm bảo hấp tiết kiệm mà không phải hiệu chuẩn lại. - Núm điều chỉnh thể tích và thân chính có thể được hấp tiết kiệm hoàn toàn ở 121°C, 0,1 MPa, 20 phút.
46	<p>Pipette 20-200 Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể điều chỉnh thay đổi thể tích - Sử dụng chỉ với một tay, cài đặt thể tích dễ dàng và chính xác. - Móc ngón tay tiện dụng để cầm thoải mái và giảm lực tay.

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm	Thông số kỹ thuật
47	<p>quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p> <p>Pipette 100-1000 Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	<p>- Bộ phận nhả đầu tip lớn, được mã hóa màu để dễ dàng xác định thể tích.</p> <p>- Vật liệu bên bằng PP / PVDFI, nhôm anodized, thân và lò xo bằng thép không gỉ.</p> <p>- Đảm bảo hấp tiệt trùng mà không phải hiệu chuẩn lại.</p> <p>- Núm điều chỉnh thể tích và thân chính có thể được hấp tiệt trùng hoàn toàn ở 121°C, 0,1 MPa, 20 phút.</p> <p>- Có thể điều chỉnh thay đổi thể tích</p> <p>- Sử dụng chỉ với một tay, cài đặt thể tích dễ dàng và chính xác.</p> <p>- Móc ngón tay tiện dụng để cầm thoải mái và giảm lực tay.</p> <p>- Bộ phận nhả đầu tip lớn, được mã hóa màu để dễ dàng xác định thể tích.</p> <p>- Vật liệu bên bằng PP / PVDFI, nhôm anodized, thân và lò xo bằng thép không gỉ.</p> <p>- Đảm bảo hấp tiệt trùng mà không phải hiệu chuẩn lại.</p> <p>- Núm điều chỉnh thể tích và thân chính có thể được hấp tiệt trùng hoàn toàn ở 121°C, 0,1 MPa, 20 phút.</p>
48	<p>Hộp đựng lam Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	<p>Hộp đựng lam</p>

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm	Thông số kỹ thuật
49	<p>Pipet 10-100ul Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể điều chỉnh thay đổi thể tích - Sử dụng chỉ với một tay, cài đặt thể tích dễ dàng và chính xác. - Móc ngón tay tiện dụng để cầm thoải mái và giảm lực tay. - Bộ phận nhả đầu tip lớn, được mã hóa màu để dễ dàng xác định thể tích. - Vật liệu bền bằng PP / PVDFI, nhôm anodized, thân và lò xo bằng thép không gỉ. - Đảm bảo hấp tiệt trùng mà không phải hiệu chuẩn lại. - Núm điều chỉnh thể tích và thân chính có thể được hấp tiệt trùng hoàn toàn ở 121°C, 0,1 MPa, 20 phút.
50	<p>Pipet 100-1000ul Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể điều chỉnh thay đổi thể tích - Sử dụng chỉ với một tay, cài đặt thể tích dễ dàng và chính xác. - Móc ngón tay tiện dụng để cầm thoải mái và giảm lực tay. - Bộ phận nhả đầu tip lớn, được mã hóa màu để dễ dàng xác định thể tích. - Vật liệu bền bằng PP / PVDFI, nhôm anodized, thân và lò xo bằng thép không gỉ. - Đảm bảo hấp tiệt trùng mà không phải hiệu chuẩn lại. - Núm điều chỉnh thể tích và thân chính có thể được hấp tiệt trùng hoàn toàn ở 121°C, 0,1 MPa, 20 phút.
51	<p>Pipet 8 kênh tự động 30-300ul Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc</p>	<p>Pipet 8 kênh tự động 30-300ul</p>

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm	Thông số kỹ thuật
52	<p>tương đương.</p> <p>Pipet đa kênh tự động 50-500ul Năm sản xuất: 2023 trở về sau</p> <p>Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Micropipette đơn kênh thay đổi thể tích 5-50μl: 1 cái - Micropipette đơn kênh thay đổi thể tích 10-100μl: 1 cái - Micropipette đơn kênh thay đổi thể tích 20 -200μl: 1 cái - Micropipette đơn kênh thay đổi thể tích 100-1000μl: 1 cái - Giá đỡ treo 6 cây micropipette: 1 cái <p>Thông số kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thể điều chỉnh thay đổi thể tích - Sử dụng chỉ với một tay, cài đặt thể tích dễ dàng và chính xác. - Móc ngón tay tiện dụng để cầm thoải mái và giảm lực tay. - Bộ phận nhả đầu tip lớn, được mã hóa màu để dễ dàng xác định thể tích. - Vật liệu bên bằng PP / PVDFI, nhôm anodized, thân và lò xo bằng thép không gỉ. - Đảm bảo hấp tiệt trùng mà không phải hiệu chuẩn lại. - Núm điều chỉnh thể tích và thân chính có thể được hấp tiệt trùng hoàn toàn ở 121$^{\circ}$C, 0,1 MPa, 20 phút.
53	<p>Dụng cụ đốt que cấy Năm sản xuất: 2023 trở về sau</p> <p>Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc</p>	<p>Dụng cụ đốt que cấy</p>

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm	Thông số kỹ thuật
54	<p>tương đương.</p> <p>Đèn tím di động Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	<p>Công suất: 2 x 30W. Bước sóng cực tím: 253.7 nm. Cường độ bức xạ cực tím: 107 uW/cm². Thời gian khử khuẩn phòng 20-30 phút cho diện tích rộng 25 m². Có thể di chuyển và gấp lại, điều chỉnh ở các góc khác nhau: 30°, 60°, 90°, 135°, 180°. Chế độ hẹn giờ với giới hạn thời gian 0-60 phút.</p>
55	<p>Pipet thủy tinh chia vạch 10ml,5 ml Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	<p>Pipet thủy tinh chia vạch 10ml,5 ml</p>
	<p>Pipet thủy tinh chia vạch 5 ml Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	<p>Pipet thủy tinh chia vạch 5 ml</p>
56	<p>Que cấy platin Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	<p>Que cấy platin</p>

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm	Thông số kỹ thuật
57	<p>Đèn cồn Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	Đèn cồn
58	<p>Nhíp gấp màng lọc Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	Nhíp gấp màng lọc
59	<p>Giá inox đựng ống nghiệm Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	Giá inox đựng ống nghiệm
60	<p>Micropipet 8 kênh 0,5-10µl Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	<p>Bộ pipet các loại <i>Model: HETTLITEPro</i> <i>Hãng sản xuất: Hettich - Đức</i> <i>Nước sản xuất: EU</i> <i>Hàng hóa mới 100%, năm sản xuất 2022 trở về sau</i></p>
61	<p>Micropipet 8 kênh 10-100µl Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể điều chỉnh được thể tích - Có thể hấp tiệt trùng toàn bộ thân 20 phút ở 121oC - Dễ dàng thay đổi đầu điều chỉnh

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm	Thông số kỹ thuật
	<p>lượng của hà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể xoay 360oC, cho phép thao tác ở mọi góc mọi hướng. - Cán nhà tip công thái học - Sử dụng lực nhẹ lên thân của đầu nhà tip - Phân bố trọng lượng cân bằng - Hệ thống lò xo mềm phù hợp với ngón tay cái - Công nghệ bộ đôi vòng đệm O cho đầu tip khít - Thanh đẩy cong giúp giảm lực khi nhà tip.
62	<p>Micropipet 8 kênh 100-1000µl Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của hà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể điều chỉnh được thể tích - Có thể hấp tiệt trùng toàn bộ thân 20 phút ở 121oC - Dễ dàng thay đổi đầu điều chỉnh - Có thể xoay 360oC, cho phép thao tác ở mọi góc mọi hướng. - Cán nhà tip công thái học - Sử dụng lực nhẹ lên thân của đầu nhà tip - Phân bố trọng lượng cân bằng - Hệ thống lò xo mềm phù hợp với ngón tay cái - Công nghệ bộ đôi vòng đệm O cho đầu tip khít - Thanh đẩy cong giúp giảm lực khi nhà tip.
63	<p>Micropipet 1-10µl Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của hà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể điều chỉnh thay đổi thể tích - Sử dụng chỉ với một tay, cài đặt thể tích dễ dàng và chính xác. - Móc ngón tay tiện dụng để cầm thoải mái và giảm lực tay. - Bộ phận nhà đầu tip lớn, được mã hóa màu để dễ dàng xác định thể tích. - Vật liệu bên bằng PP / PVDFI, nhôm anodized, thân và lò

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm	Thông số kỹ thuật
64	<p>Micropipet 20-100µl Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	<p>xo bằng thép không gỉ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo hấp tiệt trùng mà không phải hiệu chuẩn lại. - Núm điều chỉnh thể tích và thân chính có thể được hấp tiệt trùng hoàn toàn ở 121°C, 0,1 MPa, 20 phút. <ul style="list-style-type: none"> - Có thể điều chỉnh thay đổi thể tích - Sử dụng chỉ với một tay, cài đặt thể tích dễ dàng và chính xác. - Móc ngón tay tiện dụng để cầm thoải mái và giảm lực tay. - Bộ phận nhà đầu tip lớn, được mã hóa màu để dễ dàng xác định thể tích. - Vật liệu bên bằng PP / PVDFI, nhôm anodized, thân và lò xo bằng thép không gỉ. - Đảm bảo hấp tiệt trùng mà không phải hiệu chuẩn lại. - Núm điều chỉnh thể tích và thân chính có thể được hấp tiệt trùng hoàn toàn ở 121°C, 0,1 MPa, 20 phút.
65	<p>Micropipet 100-1000µl Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể điều chỉnh thay đổi thể tích - Sử dụng chỉ với một tay, cài đặt thể tích dễ dàng và chính xác. - Móc ngón tay tiện dụng để cầm thoải mái và giảm lực tay. - Bộ phận nhà đầu tip lớn, được mã hóa màu để dễ dàng xác định thể tích. - Vật liệu bên bằng PP / PVDFI, nhôm anodized, thân và lò xo bằng thép không gỉ. - Đảm bảo hấp tiệt trùng mà không phải hiệu chuẩn lại. - Núm điều chỉnh thể tích và thân chính có thể được hấp tiệt trùng hoàn toàn ở 121°C, 0,1 MPa, 20 phút.

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm	Thông số kỹ thuật
66	<p>Bếp từ Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	<p>- Máy khuấy từ gia nhiệt dùng cho phòng thí nghiệm sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 9001, dấu chất lượng CE</p> <p>- Bề mặt gia nhiệt bọc ceramic kháng hóa chất, chịu nhiệt, chống ăn mòn</p> <p>- Nhiệt độ tối đa: 380oC</p> <p>- Công suất: 680W</p> <p>- Tốc độ khuấy: 100 - 1500rpm</p> <p>- Thể tích khuấy tối đa 5 lít (với nước)</p> <p>- Kích thước bề mặt gia nhiệt: 180x180mm</p> <p>- Cung cấp kèm theo 01 cá từ</p>
67	<p>Bộ pipet các loại Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	<p>Cấu hình cung cấp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Micropipette đơn kênh thay đổi thể tích 0.5-10µl: 1 cái - Micropipette đơn kênh thay đổi thể tích 5-50µl: 1 cái - Micropipette đơn kênh thay đổi thể tích 10-100µl: 1 cái - Micropipette đơn kênh thay đổi thể tích 20 -200µl: 1 cái - Micropipette đơn kênh thay đổi thể tích 100-1000µl: 1 cái <p>- Giá đỡ treo 6 cây micropipette: 1 cái</p> <p>Thông số kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thể điều chỉnh thay đổi thể tích - Sử dụng chỉ với một tay, cài đặt thể tích dễ dàng và chính xác. - Móc ngón tay tiện dụng để cầm thoải mái và giảm lực tay. - Bộ phận nhả đầu tip lớn, được mã hóa màu để dễ dàng xác định thể tích.

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm	Thông số kỹ thuật
68	<p>Bồn rửa dụng cụ, hóa chất Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu bên bằng PP / PVDFI, nhôm anodized, thân và lò xo bằng thép không gỉ. - Đảm bảo hấp tiệt trùng mà không phải hiệu chuẩn lại. - Núm điều chỉnh thể tích và thân chính có thể được hấp tiệt trùng hoàn toàn ở 121°C, 0,1 MPa, 20 phút. -Kết cấu bởi các đầu ghép công nghiệp -Đầu bịt khung bằng nắp chuyên dụng -Chân đế bằng inox có thể điều chỉnh thăng bằng <p>Hộc tủ (Cabinets):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế các cánh tủ che kín phần bồn bên dưới -Phần tủ làm bằng ván MRMFC V313 chống ẩm, viền PVC cùng màu <p>Tay nắm (handles)</p> <ul style="list-style-type: none"> -Tay nắm nhựa PVC. <p>Bản lề (hinges)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản lề giảm chấn <p>Bồn rửa (Sink):</p> <ul style="list-style-type: none"> -Bố trí 1 chậu rửa bằng vật liệu tổng hợp high-grade PP chịu hóa chất 550x450x310 mm, màu đen. - Bồn rửa được sản xuất theo tiêu chuẩn BS 4991. -Màu: mã màu theo tiêu chuẩn Quốc tế DIN 12920. <p>Bộ xả đáy (Trap):</p> <ul style="list-style-type: none"> Bộ xả đáy và lọc rác: Bằng vật liệu tổng hợp chịu hóa chất -Bộ xả được thiết kế chống tắc nghẽn đường ống thoát Ống dẫn cấp và thoát nước: (Drain and downcomer) Ống nhựa PPR (Polypropylen Random Copolymer) hoặc

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm	Thông số kỹ thuật
69	<p>Bộ nồi hấp các cỡ Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	<p>nhựa Bình Minh. Chiều dài đường ống tối đa 3m. Vòi rửa (Faucet) -01 Vòi rửa chuyên dụng 3 nhánh. Vòi lõi đồng ba vị trí có nút. Vòi chuyên dụng 03 vị trí sơn phủ epoxy. - Tuổi thọ vận hành cao - Các vòi nước được thiết kế để hoạt động với áp lực lên tới 5.5 bar, đáp ứng tiêu chuẩn ISO 9001 và phù hợp với tiêu chuẩn EN29001 và BS 5750</p>
70	<p>Bình cầu 2000ml Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	Giò lưới đi kèm theo nồi hấp
71	<p>Bình cầu 4000ml Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	Bình cầu 2000ml
		Bình cầu 4000ml

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm	Thông số kỹ thuật
72	<p>Bình cầu 600ml Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	Bình cầu 600ml
73	<p>Bình cầu 500ml Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	Bình cầu 500ml
74	<p>Bình cầu 100ml Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	Bình cầu 100ml
75	<p>Ống đong định mức 1000ml Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	Ống đong định mức 1000ml

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm	Thông số kỹ thuật
76	<p>Ổng đong định mức 2000ml Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	Ổng đong định mức 2000ml
77	<p>Ổng đong định mức 500ml Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	Ổng đong định mức 500ml
78	<p>Ổng đong định mức 100ml Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Phải có một trong các chứng chỉ quốc tế sau: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA, ... hoặc tương đương.</p>	Ổng đong định mức 100ml

n								
Tổng cộng:								

Giá trên là giá đã bao gồm thuế và các loại phí

Các điều khoản: Hàng hóa mới 100%, Năm sản xuất 2023 trở về sau.

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật, catalog sản phẩm và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 120 ngày, kể từ ngày 04 tháng 6 năm 2024

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Ngày tháng năm 2024

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ CUNG CẤP

(Chức vụ, Ký tên, đóng dấu)

GHI CHÚ:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chung loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
- (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.
- (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.
- Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.
- (12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

(13) Thiết bị phải được bảo hành ≥ 12 tháng kể từ khi nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng; Cam kết cử cán bộ đến đơn vị sử dụng kiểm tra trong vòng ≤ 48 giờ khi được thông báo của chủ đầu tư; Thực hiện chế độ bảo trì định kỳ tối đa 3 tháng một lần; Có chương trình hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn việc bảo quản cho cán bộ sử dụng và quản lý thiết bị; Cam kết cung cấp trao đổi đủ tài liệu hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn sửa chữa, bảo quản bằng tiếng Anh và tiếng Việt; Cam kết cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa, vật tư tiêu hao và phụ tùng thay thế tối thiểu 08 năm kể từ thời điểm hết thời gian bảo hành; Có báo giá vật tư linh kiện thiết bị và cam kết ký hợp đồng bảo trì, bảo dưỡng thiết bị sau thời gian bảo hành; Cung cấp số phiếu tiếp nhận công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế đối với nhà thầu tham dự thầu theo quy định tại Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính Phủ về quản lý trang thiết bị y tế. Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023 năm 2016 của Chính phủ về quản lý TTBYT đã được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 169/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thông nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.